

CHÙA DƯỢC SƯ

PL. 2560 - 2016

Kinh

THỦ LĂNG NGHIÊM

Phần 2 - Tamma

(Trọn bộ 3 phần)



Người dịch: Tỳ-kheo-ni Hải Triều Âm

B- TU ĐẠO – TAMMA

MỤC I: HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

ANAN THỈNH PHÁP

Anan và đại chúng nghe lời Phật dạy, tiêu hết nghi hoặc, ngộ được thật tướng, thân ý khinh an, được pháp chưa từng có. Rồi lại thương khóc đánh lễ chân Phật, quỳ thẳng chấp tay bạch rằng: “Vô thượng đại bi thanh tịnh bảo vương khéo khai ngộ tâm chúng con, dùng các nhân duyên phương tiện dắt dìu những kẻ chìm đắm ra khỏi bể khổ. Bạch Thế Tôn, nay con được vâng nghe pháp âm, nhận biết tâm tánh diệu minh Như Lai Tạng

cùng khắp thế giới mười phương. Như Lai Tạng hàm dục cả bốn thánh sáu phẩm trong các Thật Báo Trang Nghiêm độ và Biến Hóa độ. Như Lai trách con nghe nhiều vô dụng, không bằng tu tập vô lậu nghiệp. Con như kẻ lênh đênh phiêu bạt, tuy bỗng nhiên được Thiên Vương cho cái lâu đài nhưng cốt yếu phải biết cửa vào. Nguyện Như Lai chỉ bày cho kẻ mờ tối rời bỏ pháp tiểu thừa, nhận được con đường Vô dư Niết-bàn. Khiến hàng hữu học biết cách uốn dẹp tâm phan duyên, được pháp tổng trì, vào tri kiến Phật”.

Nói rồi năm vóc gieo xuống đất, một lòng mong đợi từ chỉ.

- Nay Anan! Các ông đối với pháp Tam-ma-đề của chư Phật quyết tâm không mệt mỏi thì trước hết phải rõ hai nghĩa quyết định:

a) Nhân quả tương ứng:

Xét kỹ chỗ phát tâm tu nhân với quả cầu giác ngộ là đồng hay khác. Anan, đem tâm sanh diệt làm nhân tu hành để cầu quả Phật bất sanh diệt, thật không thể được. Trong thế gian các pháp làm ra đều biến diệt. Không bao giờ nghe hư không bị tan rã vì hư không không do tạo thành.

Trong thân ông tướng đặc là đất, thấm ướt là nước, hơi ấm là lửa, chuyển động là gió. Bốn đại ràng buộc, chia tâm diệu giác minh thành ra thấy nghe hay biết. Xét từ đầu đến cuối tạo thành năm lớp ô trước. Thế nào là trước? Anan, ví như nước bản nhiên trong sạch. Bụi đất tro cát bản chất ngăn ngại. Có người lấy đất bụi ném vào nước sạch. Đất mất tánh ngăn ngại. Nước mất đức trong trẻo. Hình

trạng đục bản hiện ra gọi là trước. Năm lớp ô trước nơi ông cũng thế.

1- Anan, ông thấy hư không khắp mười phương. Bên không bên thấy không tách rời nhau. Có cái không mà không thật thể. Có cái thấy mà không chánh giác. Hai thứ xen lộn giả dối thành kiếp trước.

2- Thân ôm bốn đại làm tự thể, khiến thấy nghe hay biết bị chướng ngại. Đất nước gió lửa trở thành có hay biết. Vật chất tinh thần xen lộn giả dối thành kiến trước.

3- Tâm nhớ biết học tập phát ra tri kiến. Rồi tiền trần không có tướng. Rồi tri giác không có tánh. Tánh tướng xen lộn giả dối thành phiền não trước.

4- Thân tâm ngày đêm sanh diệt không ngừng. Tri kiến muốn lưu lại thế gian, nghiệp báo xoay vần đời đời đi cõi

khác. Hai năng lực xen lộn giả dối thành chúng sanh trước.

5- Thấy và nghe bản tánh không khác. Vì các trần cách trở thành có khác. Đồng thể tánh nhưng dụng trái nhau. Đồng và khác mất chuẩn đích, xen lộn giả dối thành mệnh trước.

Nay Anan muốn cho thấy nghe hay biết xa hợp với Như Lai bốn đức thường lạc ngã tịnh. Trước hết phải lựa bỏ cội gốc sanh tử, nương theo cái không sanh diệt để thành tựu tánh viên trạch. Dùng tánh viên trạch xoay các thứ hư vọng sanh diệt trở về bản giác. Được tánh không sanh diệt của bản giác làm nhân tu mới viên thành quả vị. Như lắng nước đục, để yên không động, đất cát tự chìm, nước trong hiện ra gọi là uốn dẹp khách trần phiền não. Gạn bùn sạch hết chỉ còn nước trong gọi là dứt căn bản vô minh.

Tâm sáng suốt đã tinh thuần, hành giả có thể tùy cơ hiện hình trong mười pháp giới tế độ chúng sanh, tâm thường hợp với diệu đức thanh tịnh Niết-bàn.

b) Thẩm tường căn bản phiền não:

Các ông phát tâm Bồ-đề, nơi Bồ-tát thừa sanh đại dũng mãnh, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi, cần phải xét rõ cội gốc phiền não. Những gì là vô minh phát nghiệp? Những gì là nhuận sanh? Từ vô thủy ai làm ai chịu?

Anan, tu đạo Bồ-đề, không biết căn trần hư vọng điên đảo ở chỗ nào làm sao uốn dẹp? Không thấy chỗ thất làm sao cởi nút? Không hề nghe hư không bị phá vì hư không không hình tướng nên không thất cõi. Còn ông từ vô thủy vợ bốn đại kết thành sáu căn, chấp làm thân ta, vọng sanh trói buộc. Dem tâm

quảng đại viên mãn cuộc trong bốn đại, chôn vùi trong năm ấm như chim trong lồng. Hiện nay, sáu thứ mắt tai mũi lưỡi thân ý làm mai mối cho giặc, tự cướp gia bảo trong nhà.

1- Số lượng công đức sáu căn:

Anan, thế nào là thế giới chúng sanh? Thế là đời đời, giới là phương vị. Những phương Đông Tây Nam Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, hai phương trên dưới là Giới. Quá khứ, hiện tại, vị lai là Thế. Phương vị có 10. Thời gian lưu chuyển có 3. Thế giới gắn bó nhau thành sự đời đời trong thân tất cả chúng sanh. Giới tuy 10 song chính định chỉ có bốn là Đông Tây Nam Bắc. Giới đan dệt với Thế $3 \times 4 = 12$. Nhân luôn 3 lớp $12 \times 10 \times 10 = 1200^{(1)}$. Tổng quát mỗi căn có đến 1200 công năng.

Anan, ông xét định sáu căn chỗ hơn chỗ kém. Mắt thấy đằng trước không thấy đằng sau, bên phải bên trái ba phần thấy hai. Tóm lại công năng của mắt ba phần thiếu một nên chỉ có 800.

Tai nghe khắp mười phương. Động có xa gần, tĩnh không bờ mé. Tai đủ 1200 công đức. Mũi thở ra vào còn thiếu khoảng giữa, ba phần khuyết một, chỉ có 800 công đức. Lưỡi phô bày cùng tột trí thế gian và xuất thế gian. Lời nói có hạn nhưng lý vô tận nên tròn 1200 công đức. Thân khi hợp biết xúc trần trái thuận, khi ly không biết. Ly có một. Hợp có hai. Ba phần thiếu một nên thân có 800 công đức. Ý căn thâm lặng dung nạp tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian suốt ba đời mười phương nên đủ 1200 công đức.

Anan, ông muốn ngược dòng sanh tử, xoay về tột gốc lưu chuyển đến chỗ

không sanh diệt, thì nên xét sáu căn hiện dương thọ dụng cái nào là hợp là ly, cái nào là sâu là nông, cái nào viên thông cái nào không viên mãn⁽²⁾. Tu căn viên thông so với căn không viên thông, hiệu quả nhanh chóng một ngày bằng một kiếp. Tôi đã chỉ rõ số lượng công năng sáu căn viên minh. Tùy ông lựa chọn một căn để nhập đạo, tôi sẽ chỉ bày khiến ông tăng tấn tu hành. Mười phương Như Lai, trong 18 giới, giới nào cũng tu hành được Vô-thượng Bồ-đề, không có hơn kém. Chỉ vì căn cơ thấp chậm, ông khó viên mãn trí tuệ tự tại nên cần lựa chọn. Một khi đã vào sâu đến chỗ không còn vọng tưởng thì cả sáu căn đều cùng thanh tịnh.

2- Nguồn gốc kết căn:

Anan bạch Phật: Thưa Thế Tôn, làm sao ngược dòng hư vọng, đi sâu vào một

căn, lại có thể khiến cả sáu căn một thời thanh tịnh?

- Ông đã diệt kiến-hoặc chứng Tu-đà-hoàn song còn chưa biết những tập khí hư vọng chứa nhóm trong căn từ vô thủy. Các tập khí phải tu đạo mới đoạn được. Hướng chi còn rất nhiều phân loại số mục sanh trụ dị diệt. Nay ông hãy xét sáu căn hiện tiền là một hay là sáu. Nếu một thì tai sao không thấy, mắt sao không nghe? Nếu sáu thì khi tôi đang chỉ dạy đây, ông dùng căn nào lãnh thọ?

- Con dùng tai nghe.

- Tai nghe nào dính gì đến thân và miệng mà miệng ông hỏi nghĩa, thân ông đứng dậy tỏ ý kính vâng. Vậy nên biết các căn chẳng phải một, chẳng phải sáu. Do từ vô thủy điên đảo luân chuyển có thân nên tánh viên tràm mới có chuyện một và sáu. Nay ông đã chứng Tu-đà-

hoàn, đã tiêu được cái sáu nhưng chưa quên cái một (Niết-bàn).

Như những nhà vuông tròn ở trong thái hư không. Do hình trạng các ngôi nhà khác nhau mà ở trong đó có hư không vuông tròn. Một khi phá bỏ hết các ngôi nhà, trở lại ta nói hư không là một. Hư không vẫn là hư không, đâu có vì ta thành đồng hay khác. Huống chi còn nói là một hay không phải một. Sáu căn của ông cũng vậy.

Do hai thứ sáng và tối tỏ bày lẫn nhau, niệm tánh trạm diệu viên, phát ra cái thấy. Cái thấy ánh ra thành sắc, kết sắc thành căn, gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể con mắt như quả bồ-đào. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo sắc.

Do hai thứ động tĩnh kích thích lẫn nhau, niệm tánh trạm diệu viên, phát ra

cái nghe. Cái nghe ánh ra thành tiếng, cuốn tiếng lại thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể cái tai như lá mới cuốn. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo tiếng.

Do hai thứ thông và tắc phát hiện lẫn nhau, niệm tánh trạm diệu viên, phát ra cái ngửi. Cái ngửi ánh ra thành hương, thấu nập hương thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể cái mũi như hai móng tay rủ xuống. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo hương.

Do hai thứ nhạt và có vị tham trước lẫn nhau, niệm tánh trạm diệu viên, phát ra cái nếm. Cái nếm ánh ra thành vị, thưởng thức vị thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể cái lưỡi như mặt trăng mới khuyết. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo vị.

Do hai thứ ly và hợp cọ xát lẫn nhau, niêm tánh trạm diệu viên, phát ra biết xúc. Cái biết ánh ra thành xúc, ôm nắm xúc thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Hình thể cái thân như dáng trống cơm. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo xúc.

Do hai thứ sanh và diệt tiếp tục lẫn nhau, niêm tánh trạm diệu viên, phát ra cái biết. Cái biết ánh ra thành pháp, tóm thu các pháp thành căn. Gốc căn là tứ đại thanh tịnh. Cái ý như thấy trong phòng tối. Bốn trần của phù căn rong ruổi chạy theo pháp.

3- Phát minh chân tánh thì viên thoát:

Anan, giác minh chuyển thành minh giác, mắt sáng suốt, dính vọng phát ra hay biết. Vì vậy nay ông rời sáng tối thì không thấy, rời động tĩnh thì không nghe,

không có thông tắc thì không ngửi, không vị không nhạt thì không có nếm, không ly không hợp thì cái biết xúc vốn không, không diệt không sanh thì cái rõ biết không chỗ nương.

Ông chỉ cần dừng theo những động tĩnh, hợp ly, không vị có vị, thông tắc, sáng tối, sanh diệt, 12 tướng hữu vi. Rút một căn ra khỏi cái dính, phục vào trong, trở về tánh nguyên chân, phát minh tánh sáng suốt bản lai, thì năm chỗ dính kia cũng đồng thời giải thoát.

Không do tiên trần khởi tri kiến thì cái sáng suốt không theo căn, chỉ gá nơi căn mà phát hiện. Nhân đó sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau.

Anan, há ông không biết ở trong hội đây, A Na Luật Đà không mắt mà thấy. Rông Bạt Nan Đà không tai mà nghe. Thần nữ Căng Già không mũi mà ngửi.

Kiều Phạm Bát Đề lười trâu mà biết vị trời, người. Thuấn Nhã Đa không thân mà biết xúc (nương hào quang Như Lai, thần hư-không tạm hiện thân chớ không có bản chất). Các vị Thanh-văn được tịch diệt nhờ tu diệt-tận-định, như Ma-ha Ca Diếp đã diệt ý căn từ lâu mà vẫn rõ biết cùng khắp, không cần tâm niệm.

Anan, sáu căn viên thoát thì cái sáng suốt từ trong tâm tánh hiển lộ. Các tướng biến hóa trong thế gian đều tiêu như băng gặp nước sôi, ứng niệm hóa thành vô thượng tri giác.

Anan, người đời chỉ thấy bằng mắt. Nhắm mắt tướng tối hiện ra, không thể biện biệt được đầu và chân người đứng trước mặt. Nếu lấy tay sờ quanh thân thể người kia thì tuy không thấy nhưng một phen nhận được đầu và chân rồi, cái biết đồng như thấy bằng mắt.

Nhân sáng mới thấy nên khi tối thành ra không thấy. Nếu thấy không cần ánh sáng thì các thứ tối không thể làm mờ. Căn và trần đã tiêu, làm sao giác minh không thành viên diệu?

4- Đánh chuông thật nghiệm tánh chân thường:

Anan bạch Phật: “Nhân địa tu hành cốt yếu phải tương ứng với quả chứng. Bạch Thế Tôn, quả vị gọi là Bồ-đề, Niết-bàn, Chân như, Phật tánh, Am-ma-la thức, Không Như Lai Tạng, Đại viên kính trí. Bảy danh hiệu nhưng đồng một thể tánh thanh tịnh viên mãn thường trụ.

Nếu thấy nghe lìa sáng tối, động tĩnh rốt ráo không tự thể cũng như tâm niệm rời tiền trần vốn không hề có, sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt làm nhân tu để cầu bảy quả thường trụ? Bạch Thế Tôn,

lui tới vẫn xoay, suy xét chín chắn, thật không có tâm và tâm sở của con. Vậy lấy gì làm nhân để cầu vô thượng giác? Như Lai trước kia nói tánh thấy bất động viên mãn thường trụ. Nhưng đã trái với lý chân thì rốt cuộc chỉ thành hý luận. Xin Phật rủ lòng đại từ khai mở chỗ mê chấp cho con”.

- Ông học về mặt nghe nhiều nhưng chưa hết các lậu. Trong tâm chỉ biết suông cái nhân điên đảo. Khi điên đảo thật hiện trước mắt thì ông không nhận ra. E ông còn chưa tin phục. Nay tôi đem những việc thông thường trừ nghi cho ông.

Như Lai bảo La Hâu La đánh một tiếng chuông rồi hỏi Anan: Ông có nghe chẳng?

- Thưa, có nghe.

Chuông hết, ngân không còn vang, Phật hỏi: Ông có nghe chẳng?

- Thưa, không nghe.

La Hâu La lại đánh một tiếng chuông, Phật lại hỏi: Ông có nghe chẳng?

- Thưa, có nghe.

- Nay Anan, thế nào là có nghe, thế nào là không nghe?

- Tiếng chuông đánh lên, chúng con đều nghe. Đánh lâu tiếng hết, ngân vang không còn gọi là không nghe.

Như Lai lại bảo La Hâu La đánh chuông rồi hỏi Anan: Theo ông nay có tiếng không?

- Thưa có tiếng.

Ít lâu tiếng hết, Phật lại hỏi: Theo ông nay có tiếng không?

- Thưa không tiếng.

Lát sau, La Hầu La lại đánh chuông. Phật lại hỏi: Theo ông nay có tiếng không?

- Thưa có tiếng.

- Thế nào ông gọi là có tiếng, thế nào ông gọi là không tiếng?

- Tiếng chuông đánh lên gọi là có tiếng. Đánh lâu tiếng hết, ngân vang không còn gọi là không tiếng.

- Hôm nay các ông sao nói lộn xộn như thế?

- Bạch Thế Tôn, làm sao Phật bảo chúng con nói lộn xộn?

- Tôi hỏi ông về nghe, ông nói là nghe. Tôi hỏi về tiếng, ông nói là tiếng. Chỉ cái nghe và cái tiếng mà trả lời lộn lộn. Nay Anan, tiếng tiêu không còn ngân vang, ông gọi là không nghe. Nếu thật không nghe, tánh nghe đã diệt, tiếng chuông lại

đánh lên, làm sao ông còn biết? Tự cái tiếng hoặc có hoặc không. Đâu phải tánh nghe vì thế mà không mà có. Nếu tánh nghe thật đã không thì còn cái gì để biết là không nữa.

Vậy nên Anan, tiếng ở trong nghe tự có sanh, có diệt. Không phải vì ông nghe tiếng sanh diệt mà tánh nghe của ông thành có, thành không. Ông còn lộn lạo lẫn tiếng với nghe. Lại gì chẳng mê mờ, cho thường là đoạn, nói rằng rời các thứ động tĩnh tánh nghe không còn.

Người ngủ mê nằm trên giường. Trong nhà có kẻ giã gạo. Người ngủ trong chiêm bao nghe tiếng giã gạo, lầm cho là tiếng trống hoặc tiếng chuông. Tức trong chiêm bao người ấy cũng lấy làm lạ sao tiếng chuông lại nghe như tiếng cây, tiếng đá. Tỉnh dậy nghe tiếng chày, người ấy bảo người nhà rằng: “Trong lúc chiêm

bao tôi nghe tiếng chày thành tiếng trống”. Nay Anan, người đó trong chiêm bao, thân hình tuy ngủ mê nhưng tánh nghe không mờ. Mai đây thân hình tan rã, mạng sống đổi đời, tánh nghe đâu có theo thân mà tiêu diệt.

Chúng sanh từ vô thủy chạy theo thanh sắc, niệm niệm lưu chuyển, không hề khai ngộ bản tánh thanh tịnh diệu thường. Bỏ chân thường chạy theo sanh diệt nên đời đời tạp nhiễm luân hồi. Nay bỏ sanh diệt trở về chân thường, tánh sáng suốt hiện tiền. Căn trần thức ngay đó tiêu tan. Tướng tướng là trần, thức tình là cấu. Trần cấu đã xa rời, pháp nhãn thanh tịnh, làm sao lại không thành vô thượng tri giác?

MỤC 2: PHƯƠNG PHÁP GIẢI KẾT

a) Xin khai thị cách cởi nút:

Anan bạch Thế Tôn: “Tuy Như Lai đã dạy nghĩa quyết định thứ hai, nếu không biết nút ở đâu hẳn không thể cởi. Hàng hữu học Thanh-văn chúng con từ vô thủy đến nay cùng sanh cùng diệt với các thứ vô minh. Tuy được thiện căn nghe nhiều Phật Pháp, gọi là xuất gia mà vẫn như sốt rét cách nhật. Nguyện đức đại từ xót thương kẻ chìm đắm, chính nơi thân tâm hiện tại, chỉ cho chúng con biết thế nào là nút, do đâu mà cởi?”

Anan và đại chúng năm vóc gieo xuống đất, khóc mong thành khẩn Như Lai vô thượng khai thị.

b) Đích chỉ sáu căn là gốc giải thoát:

Thế Tôn xót thương Anan cùng hàng hữu học, lại cũng vì vị lai chúng sanh tạo nhân xuất thế, khai mở đạo nhãn, bàn tay sáng ngời xoa đầu Anan. Ngay khi ấy mười phương thế giới chư Phật sáu thứ chấn động. Hào quang từ đỉnh đầu vi trần Như Lai đồng thời rọi vào đỉnh đầu đức Phật tại rừng Kỳ Đà. Đại chúng được thấy việc chưa từng có. Ai nấy đều nghe rõ mười phương vi trần Như Lai khác miệng đồng lời nói rằng: “Hay thay Anan! Đầu nút câu sanh vô minh khiến ông luân hồi sanh tử chính là sáu căn của ông chớ không gì khác. Vô-thượng Bồ-đề khiến ông mau chứng đạo quả an vui giải

thoát tịch thường cũng chính là sáu căn của ông chớ không gì khác”.

c) Đức Thích Ca giải nghĩa:

Anan cúi đầu bạch Phật: “Làm sao khiến con luân hồi sống chết hay được an vui diệu thường cũng đều là sáu căn?”

– Căn trần đồng nguồn nên cột và cửi không ở hai nơi. Thức phân biệt như hoa đóm trong hư không. Nay Anan! Căn nhân trần phát ra cái biết. Trần nhân căn tướng mới hiện. Năng-kiến sở-kiến đều không tự tánh như hình cây lau. Thấy biết cho là thật biết tức gốc vô minh. Thấy biết không chấp, đây là Niết-bàn (tri kiến lập tri tức vô minh bản, tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn).

Muốn trùng tuyên ý này, Thế Tôn nói kệ:

Nơi chân tánh, hữu vi là không.
 Vì duyên sanh nên bảo như huyễn.
 Vô vi vốn không sanh không diệt.
 Cũng chẳng thật, khác nào không hoa.

Nói cái vọng để hiển cái chân.
 Vọng chân ấy, cả hai đều vọng.
 Còn không phải chân và phi chân,
 Làm sao có năng-kiến sở-kiến?

Thức ở giữa không có thật tánh,
 Nên như hình cây lau gác nhau.
 Kết và giải đồng do một chỗ,
 Thánh hay phàm đâu ở hai nơi.

Ông hãy quan sát tánh cây lau,
 Dù không hay có đều không đúng.
 Mê mờ nghĩa đó là vô minh,
 Khai hiểu nghĩa ấy liền giải thoát.

Gỡ nút cần phải theo thứ lớp.
 Sáu đã cởi, một cũng không còn.
 Nơi các căn chọn tánh viên thông,
 Nhập lưu được thì thành chánh giác.

Thức A-đà-na rất vi tế,
 Tập khí lưu hành như nước dốc,
 E lâm là chân hay phi chân,
 Nên ta thường ít khi diễn giảng.

Tự tâm trở lại chấp tự tâm,
 Không phải huyễn thành ra pháp huyễn.
 Không chấp trước, không gì chẳng huyễn,
 Phi huyễn không, pháp huyễn sao thành?

Ấy gọi là như huyễn Tam-ma-đề,
 Bảo giác chắc như Kim Cang Vương.
 Không nhiễm, tịnh như Diệu Liên Hoa,
 Gảy móng tay vượt hàng vô học.

Giáo pháp không gì so sánh được.

Hai tử hết, vạn đức viên thành.

Đường thẳng vào vô dư Niết-bàn

Của mười phương các đức Như Lai.

d) Cột khăn chỉ nút:

Anan và đại chúng nghe kệ tụng diệu lý tinh túy, tâm được khai ngộ, tán thán pháp chưa từng có, chấp tay đánh lễ: “Bạch Thế Tôn! Còn nghĩa cởi cả sáu thì một cũng không, con chưa rõ. Xin đức đại bi thương xót bố thí pháp âm, rửa sạch cấu nhiễm trầm trọng cho chúng con”.

Như Lai nơi sư tử tòa, sửa Niết-bàn-tăng, vén Tăng-già-lê, dựa ghế thất bảo, đưa tay lấy khăn hoa của trời Kiếp Ba La mới cúng, cột một nút rồi hỏi Anan: “Cái này gọi là gì?”

– Thưa cái nút.

Như Lai cột một nút nữa, lại hỏi: Cái này gọi là gì? – Thưa cũng gọi là nút.

Phật tuần tự cột sáu nút. Cứ xong mỗi nút lại hỏi: “Cái này gọi là gì?”. Anan và đại chúng đều tuần tự đáp: “Thưa cái nút”.

– Khăn báu vốn chỉ có một. Ông hãy xét kỹ. Nút ban đầu gọi là nút thứ nhất. Nút cuối cùng gọi là nút thứ sáu. Nay tôi muốn gọi nút thứ sáu là nút thứ nhất được không?

– Bạch Thế Tôn, không! Dầu con cố gắng biện bạch bao nhiêu cũng không làm cho sáu nút đổi tên được.

– Đúng thế, sáu nút không đồng nhau tuy vốn chỉ là một cái khăn. Sáu căn của ông cũng vậy, trong thể vốn vẫn đồng nay rốt ráo thành khác.

d) Thứ lớp cởi nút:

Nay ông không thích để sáu nút khác nhau mà muốn trở về một thể khăn, phải làm thế nào?

- Còn nút còn thị phi. Nút này không phải nút kia, nút kia không phải nút này. Nếu cởi bỏ tất cả, không để nút nào, không còn kia đây thì một còn không có hướng chi sáu.

- Sáu cởi, một không còn. Nơi sáu căn cũng thế. Do từ vô thủy điên loạn, tri kiến vọng phát, vì lao nhọc nên thấy các trần tướng. Như mắt mỗi thấy hoa đốm. Tất cả thế gian núi sông đất liền, sanh tử Niết-bàn, đều là hoa tướng cuồng lao điên đảo.

- Như thế làm sao cởi gỡ?

Như Lai cầm cái khăn có nút, kéo xiết về bên trái, hỏi Anan: Thế này cởi được chăng?

- Thưa không.

Phật lại xiết về bên phải, hỏi Anan: Thế này cởi được chăng?

- Thưa không.

- Vậy ông dùng phương tiện gì thì cởi được?

- Ngay giữa lòng nút tháo ra liền được.

- Đúng thế, đúng thế, muốn cởi nút phải từ trung tâm. Nay Anan, ta nói Phật Pháp từ nhân duyên sanh chẳng phải lấy thô tướng hòa hợp của thế gian. Như Lai biết rõ bản nhân của tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Hằng sa thế giới ngoài kia mưa bao nhiêu giọt Như Lai đều biết. Hiện tiền từng thẳng gai cong,

qua đen hạc trắng, Như Lai đều rõ nguyên do. Anan, tùy ông lựa lấy một trong sáu căn để cỡi. Căn kết nếu trừ, trần tướng tự tiêu. Các vọng đã hết chẳng phải chân còn đợi gì?

Nay tôi lại hỏi ông: Cái khăn hoa này hiện có sáu nút, đồng thời trừ cả một lần được chăng?

- Bạch Thế Tôn không. Khi cột có thứ lớp thì nay cỡi cũng phải theo thứ lớp.

- Cỡi gỡ sáu căn cũng vậy. Trước hết được nhân-không. Tánh-không viên minh thành pháp giải thoát. Giải thoát pháp rồi câu-không chẳng sanh. Thế gọi là Bồ-tát từ Tam- ma-đề được vô sanh nhẫn.

MỤC 3:

A) TRÌNH BÀY VIÊN THÔNG

ANAN THỈNH PHÁP

Anan và đại chúng được Phật khai thị, tuệ giác viên thông, không còn nghi hoặc, đồng thời chấp tay đánh lễ chân Phật bạch rằng: “Chúng con đã ngộ được nghĩa một và sáu đều không. Nhưng còn chưa biết bản căn viên thông. Bạch Thế Tôn! Chúng con phiêu bạt bơ vơ nhiều kiếp như trẻ mất sữa. Nay may mắn gặp Phật như được mẹ hiền. Phải nhân cơ hội này mà thành đạo, chỗ ngộ phù hợp với diệu lý đã nghe. Nếu không thì khác gì chưa nghe. Cúi xin đại bi thùy từ khai thị mật

nghiêm tối hậu”. Nói rồi nắm vóc gieo xuống đất, trông mong Phật thâm truyền.

PHẬT THỈNH ĐẠI CHÚNG TỰ TRÌNH BÀY

Thế Tôn khắp bảo Bồ-tát và A-la-hán sanh trưởng trong Phật Pháp đã chứng quả vô học: “Lúc ban đầu mới phát tâm, trong 18 giới các ông ngộ được giới nào viên thông, do phương tiện gì nhập Tamma-dê?”

24 THÁNH PHÚC TRÌNH

SÁU TRẦN

1 - Thanh trần:

Nhóm Kiều Trần Na, năm vị Tỳ-kheo, đánh lễ chân Phật bạch rằng: Ở Lộc Uyển và Kê Viên, chúng con được thấy Như Lai khi mới thành đạo. Nhân nghe Phật dạy

con ngộ Tứ Đế. Trước tiên trong chúng, con thừa đã hiểu, được Phật ban cho tên là A Nhã Đa. Diệu âm mật viên, con nơi âm thanh chứng A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, thanh trần hơn cả.

2 - Sắc trần:

Ưu Ba Ni Sa Đà đánh lễ chân Phật bạch rằng: Con cũng được thấy Phật khi mới thành đạo. Quán tướng bất tịnh, con sanh tâm cực kỳ nhàm chán, ngộ được tánh của các sắc, từ tướng bất tịnh đến tướng xương trắng, tướng bụi nhỏ rồi tan về không. Không Sắc đều không, thành đạo vô học, con được Phật ban cho tên là Ni Sa Đà. Trần sắc đã hết, diệu sắc mật viên. Con do sắc tướng chứng A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng sắc trần hơn cả.

3 - Hương trần:

Hương Nghiêm đồng tử đánh lễ chân Phật bạch rằng: Như Lai dạy quan sát chín chắn các tướng hữu vi. Tĩnh tọa trong nhà thanh trai, con thấy các Tỳ-kheo đốt hương trầm thủy. Hương thơm thoang thoảng vào mũi, con quán hương không phải cây, không phải khói, không phải lửa, không phải hư không, không từ đâu đến, không đi về đâu. Ý niệm phân biệt tiêu diệt, phát minh tánh vô lậu, được hiệu là Hương Nghiêm. Hương trần đã diệt, diệu hương mật viên. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng hương trần hơn cả.

4 - Vị trần:

Hai Pháp-vương-tử Dược Vương, Dược Thượng cùng với 500 Phạm Thiên đánh lễ chân Phật bạch rằng: Từ kiếp lâu xa,

chúng con làm thầy thuốc, miệng nếm cỏ cây vàng đá, số mục có đến 10 vạn 8 ngàn. Đắng chua, mặn nhạt, ngọt cay, hòa hợp, câu sanh, biến đổi, lạnh nóng, lành độc, con đều biết cả. Thừa sự Như Lai, con quan sát vị trần chẳng phải không chẳng phải có, không rời thân tâm cũng chẳng phải tức là thân tâm. Chúng con nhân vị trần mà giác ngộ, được danh hiệu là Dược Vương Dược Thượng Bồ-tát. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng vị trần hơn cả.

5 - Xúc trần:

Bạt Đà Bà La với 16 khai sĩ đánh lễ chân Phật bạch rằng: Chúng con xuất gia từ thời Phật Oai Âm Vương. Ngày chúng tắm tẩm, con theo thứ lớp vào nhà tắm. Bỗng nhiên ngộ được nước không rửa bụi cũng không rửa thân. Căn, trần, thức đều

không. Túc tập không quên, nay theo Phật được quả vô học. Do phát minh diệu tánh xúc trần, thành Phật tử trụ. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng xúc trần hơn cả.

6 - Pháp trần:

Ma-ha Ca Diếp và Tử Kim Quang Tỳ-kheo-ni đánh lễ chân Phật bạch rằng: Kiếp xưa trong cõi này Phật Nhật Nguyệt Đăng diệt độ. Chúng con thấp đèn sáng mãi cúng dường xá-lợi, lấy vàng thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay đời đời thân thể viên mãn sáng ngời. Tử Kim Quang Tỳ-kheo-ni là quyến thuộc của con hồi đó, cùng con đồng phát tâm. Quan sát thế gian sáu trần đời đời, con tu định diệt tận, thân tâm trải qua trăm ngàn kiếp như gảy móng tay. Do quán pháp “Không” thành A-la-hán. Tu hạnh đầu đà

được tôn xưng là bậc nhất. Diệu pháp khai minh con sạch hết lậu. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng pháp trần hơn cả.

NĂM CĂN

7 - Nhãn căn:

A Na Luật Đà đánh lễ chân Phật bạch rằng: Khi mới xuất gia con thường ưa ngủ. Như Lai quở con như loài súc sanh. Con hồi hận, bảy ngày không ngủ, hư luôn hai mắt. Thế Tôn dạy con tu pháp “Nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội”. Con không dùng mắt mà thấy mười phương, thấu suốt tinh tường như xem trái xoài trên bàn tay, thành A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, xoay cái thấy trở về bản tánh là hơn cả.

8 - Ty căn:

Châu Lợi Bàn Đặc Ca đánh lễ chân Phật bạch rằng: Con thiếu tụng trì, không tuệ đa văn. Gặp Phật xuất gia, cố nhớ một câu kệ, trải một trăm ngày cứ nhớ trước quên sau, nhớ sau quên trước. Phật thương con ngu, dạy con ngồi yên điều hòa hơi thở. Con quán hơi thở sanh trụ dị diệt, cùng tột các tướng nhỏ nhiệm từng sát-na. Tâm con bừng khai, được đại vô ngại, sạch lậu thành A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, xoay hơi thở về tánh tịch diệt là hơn cả.

9 - Thiệt căn:

Kiều Phạm Bát Đề đánh lễ chân Phật bạch rằng: Vì khẩu nghiệp khinh rẻ chế diễu Sa-môn trong kiếp quá khứ, nay con mắc bệnh nhai lại như trâu. Như Lai chỉ dạy pháp môn “Nhất vị thanh tịnh tâm

địa”. Con diệt phân biệt vào chánh định, quán tánh biết vị không ở thân, không ở vật, liền đó vượt khỏi các lậu thế gian. Trong thoát thân tâm ngoài bỏ thế giới, xa rời ba cõi như chim sổ lồng. Hết cấu nhiễm, diệt trần tướng, pháp nhãn thanh tịnh, thành A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, không phân biệt vị trần, xoay cái biết về tự tánh là hơn cả.

10 - Thân căn:

Tất Lăng Già Bà Ta đánh lễ chân Phật bạch rằng: Hồi con mới vào đạo, nghe Như Lai dạy về những khổ thế gian. Đi khát thực trong thành, tâm đang suy ngẫm pháp môn, bỗng giẫm phải gai độc, toàn thân đau đớn. Con giác biết nơi tâm thanh tịnh không có cái đau và cái biết đau. Con suy nghĩ một thân đau có hai

tánh biết. Nhiếp niệm chưa bao lâu, bỗng nhiên vong cả thân tâm. Trải hai mươi một ngày các lậu tiêu hết thành A-la-hán. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, xả bỏ ngã chấp, thuần một giác tánh, đó là hơn cả.

11 - Ý căn:

Tu Bồ Đề đánh lễ chân Phật bạch rằng: Từ nhiều kiếp tâm con đã được vô ngại, tự nhớ thọ sanh nhiều đời như cát sông Hằng. Còn trong thai mẹ đã biết tánh không tịch, mười phương đều không, cũng khiến chúng sanh chứng được tánh-không. Như Lai phát minh tánh giác chân không, tánh không viên minh, con liền vào được Bảo Minh Không Hải của Như Lai. Tri kiến đồng với Phật, được ấn chứng thành quả vô học. Giải thoát tánh-không con là đệ nhất. Phật hỏi Viên

Thông, như chỗ con chứng, quán vạn tướng đều không, năng-không sở-không cũng hết, đó là hơn cả.

SÁU THỨC

12 - Nhãn thức:

Xá Lợi Phát đánh lễ chân Phật bạch rằng: Từ nhiều kiếp đến nay chỗ nhận thấy của con được thanh tịnh. Thọ sanh nhiều đời như số cát sông Hằng, con thấy thông suốt tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Dọc đường nghe ba anh em Ca Diếp luận bàn về pháp nhân duyên, con ngộ được tâm không bờ bến. Theo Phật xuất gia, nhãn thức sáng suốt cùng cực thành A-la-hán, làm trưởng tử của Phật. Từ miệng Phật ra, từ pháp hóa sanh. Phật hỏi Viên Thông, như chỗ con chứng, do nhãn thức thấu triệt thành vô

ngại trí. Trí quang cùng cực vào Phật tri kiến là hơn cả.

13 - Nhĩ thức:

Phổ Hiền Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng: Con đã từng làm Pháp-vương-tử nơi hàng hà sa số chư Phật. Mười phương Phật dạy các đệ tử căn cơ Bồ-tát tu hạnh Phổ Hiền, đó là mượn tên con. Thừa đức Thế Tôn, con dùng nhĩ thức phân biệt tất cả tri kiến chúng sanh. Dù cách xa bao nhiêu thế giới, có ai phát minh hạnh nguyện Phổ Hiền, con phân thân trăm ngàn, cỡi voi sáu ngà đến xoa dầu an ủi. Dầu người ấy nghiệp chướng còn nặng chưa thấy được con. Con cũng thâm ủng hộ khiến được thành tựu. Phật hỏi Viên Thông, chỗ bản nhân con, phát minh nhĩ thức phân biệt tự tại là hơn cả.

14 - Ty thức:

Tôn Đà La Nan Đà đánh lễ chân Phật bạch rằng: Hồi mới xuất gia, con đủ giới luật nhưng tâm thường tán loạn. Thế Tôn dạy con và Câu Si La quán đầu mũi. Trải hai mươi một ngày thấy hơi thở ra vào như khói. Tướng khói lần tiêu, hơi thở thành màu trắng. Tâm khai ngộ, trong tỏ sáng thân, ngoài thông thế giới, khắp thanh tịnh như ngọc lưu ly. Tới khi lậu sạch chứng A-la-hán, hơi thở ra vào hóa thành hào quang soi khắp mười phương thế giới, được Phật thọ ký sẽ thành Bồ-đề. Phật hỏi Viên Thông, con dùng hơi thở nhiếp niệm lâu ngày, sáng suốt viên mãn, đó là hơn cả.

15-Thiệt thức:

Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đánh lễ chân Phật bạch rằng: Nhiều kiếp biện tài

vô ngại, tuyên dương các pháp khổ không, thấu suốt thật tướng, con được đại vô úy trong chúng, phương tiện chỉ bày các pháp môn bí yếu của hàng sa Như Lai. Thế Tôn dạy con tuyên dương chánh pháp, giúp Phật chuyển pháp luân. Phật hỏi Viên Thông, con dùng pháp âm hàng phục tà ma ngoại đạo, tiêu diệt các lậu, thành A-la-hán, đó là hơn cả.

16- Thân thức:

Ưu Ba Ly đánh lễ chân Phật bạch rằng: Chính con theo Phật vượt thành xuất gia, chứng kiến đức Phật sáu năm khổ hạnh, hàng phục tà ma, đối trị ngoại đạo, giải thoát các lậu thế gian. Con giữ giới ba ngàn oai nghi tám vạn tế hạnh, tánh nghiệp giá nghiệp thủy đều thanh tịnh. Thân tâm tịch diệt thành A-la-hán. Giữ giới tu thân con là đệ nhất cương kỷ

trong chúng. Phật hỏi Viên Thông, con do giữ thân, thân được tự tại. Con lại giữ tâm, tâm được thông suốt. Thân tâm thông lợi đó là hơn cả⁽³⁾.

17- Ý thức:

Đại Mục Kiền Liên đánh lễ chân Phật bạch rằng: Con nghe ba anh em Ca Diếp giảng nói nghĩa lý nhân duyên, tâm được thông suốt. Như Lai ban cho con áo cà sa, râu tóc tự rụng, thành A-la-hán. Mười phương Như Lai đều khen sức thần thông của con thanh tịnh viên minh tự tại. Phật hỏi Viên Thông, con do xoay ý niệm trở về tánh viên tràm nên tâm trí khai quang, như lắng nước đục lâu thành trong sáng, đó là hơn cả.

BẢY ĐẠI

18- Hỏa Đại:

Ô Sô Sát Ma đánh lễ chân Phật bạch rằng: Từ kiếp xưa xưa con nhiều tham dục. Không Vương Như Lai dạy: “Đa dâm như đồng lửa hồng”. Quan sát trăm vóc tứ chi nóng lạnh, thân quang trừng lạng, hóa tâm đa dâm thành lửa trí tuệ. Từ đấy các đức Phật đều gọi con là Hỏa Đâu. Nhân Hỏa Quang Tam Muội thành A-la-hán, con phát đại nguyện làm lực sĩ hộ pháp uốn dẹp tà ma, ở bên các Bồ-tát khi sắp thành đạo. Phật hỏi Viên Thông, con do quán các hơi ấm nơi thân tâm, các lậu tiêu dần, sanh lửa đại trí, lên vô thượng giác, đó là hơn cả.

19- Địa Đại:

Trì Địa Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng: Con nhớ kiếp xưa thời Phật Phổ Quang, con làm Tỳ-kheo. Các nẻo đường, bến đò, đất đai hiểm trở gồ ghề tổn hại

xe cộ, con đều đắp bằng. Hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát, siêng năng khó nhọc trải vô lượng Phật ra đời. Ở các chợ búa, ai cần mang gánh, con đều hộ giúp, không lấy tiền thuê. Thời Phật Tỳ Bà Thi, gặp khi đói kém, con cũng giúp người, không kể gần xa, chỉ lấy một đồng tiền. Hoặc có xe trâu sa xuống bùn lầy, con dùng sức mạnh đẩy bánh xe lên, cứu khỏi khổ não. Nhà vua thiết trai thỉnh Phật, con sửa sang đường đất bằng phẳng đợi Phật đi qua. Như Lai xoa đỉnh đầu con bảo rằng: “Bình tâm địa thì tất cả thế giới đều bình”. Con liền khai ngộ, thấy đất trong thân ngoài thế giới như nhau không khác (chẳng những không chấp nội tứ đại là ta mà đồng minh cả ngoài 4 đại duy tâm). Tự tánh vi trần không chạm sát nhau, cho nên các thứ đao binh không đụng chạm vào thân con được. Con xứng

tánh ngộ vô sanh nhãn, thành A-la-hán, hồi hướng đại thừa. Trong hàng Bồ-tát nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa dạy về tri kiến Phật, con chứng tỏ đầu tiên, được làm thượng thủ. Phật hỏi Viên Thông. Con do quán kỹ 2 trần, nơi căn thân và thế giới, bình đẳng không sai khác, vốn là Như Lai Tạng. Trần tướng tiêu diệt, trí tuệ viên mãn, thành đạo vô thượng, đó là hơn cả.

20- Thủy Đại:

Nguyệt Quang đồng tử đánh lễ chân Phật bạch rằng: Hằng sa kiếp xưa kia, Phật Thủy Thiên dạy các Bồ-tát quán nước. Quán ở trong thân, nước bọt, nước mũi cho đến tất cả các thứ tân dịch, tinh huyết, đại tiện, tiểu tiện, đều đồng một tánh nước. Quán nước trong thân cùng nước các biển Hương Thủy của

phù-tràng-vương-sát đều bình đẳng không khác.

Khi ấy con tọa thiền chỉ thấy được nước, chưa không được thân. Có đứa đệ tử đi qua, từ cửa sổ trông vào, thấy toàn nước, liền lấy miếng ngói ném, nghe rõ tiếng “bồm” rồi bỏ đi. Con xuất định thấy đau tim. Nghĩ đã được A-la-hán, từ lâu không bệnh, làm sao nay lại đau tim? Bấy giờ đồng tử đi đến kể lại các việc. Con bảo nó, nếu lại thấy nước thì phải mở cửa vào lấy viên ngói ra. Đệ tử vâng lời. Con nhập định, nó lại thấy nước và viên ngói rõ ràng. Sau khi nó lấy viên ngói đi rồi, con xuất định, thân thể bình an như cũ.

Trái vô lượng Phật, đến đức Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai con mới quên được thân. Cùng với các bể Hương Thủy ở mười phương, đồng một tánh chân-không không hai không khác, con

được dự hàng Bồ-tát hiệu là Đồng Chân. Phật hỏi Viên Thông, con do quán tánh nước chân không, tánh không thật nước, được vô sanh nhẫn, viên mãn đạo Bồ-đề, đó là hơn cả.

21- Phong Đại:

Lưu Ly Quang Pháp-vương-tử đánh lễ chân Phật bạch rằng: Hằng sa kiếp trước, đức Phật Vô Lượng Thanh khai thị tánh Bản Giác Diệu Minh cho các hàng Bồ-tát. Ngài dạy quan sát thế giới thân tâm chúng sanh đều do vọng duyên chuyển biến. Khi ấy, con quán không gian an lập, thời gian thiên lưu, thân thể động tĩnh, thức tâm niệm niệm sanh diệt. Tất cả chuyển biến bình đẳng không sai khác. Con giác ngộ tánh động không từ đâu đến, không đi về đâu. Mười phương chúng sanh đồng một hư vọng. Tam thiên

đại thiên thế giới chúng sanh chỉ như muỗi mọt vo vo ồn náo trong một cái chai. Con gặp Phật chưa bao lâu, được vô sanh nhẫn. Tâm khai ngộ, thấy cõi Phật Bất Động ở phương Đông, con làm Pháp-vương-tử. Thừa sự mười phương Phật, thân tâm phát quang, rộng thấu không ngại. Phật hỏi Viên Thông, con do quan sát phong lực không nương vào đâu, ngộ tâm Bồ-đề nhập vào chánh định, hợp với nhất diệu tâm của mười phương Phật, đó là hơn cả.

22- Không Đại:

Hư Không Tạng Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng: Con cùng Như Lai chứng thân vô biên nơi đức Phật Định Quang. Khi ấy tay con cầm bốn hạt châu báu lớn, soi chiếu mười phương vi trần cõi Phật đều hóa thành hư không. Trí đại viên

kính hào quang soi khắp. Các phù-tràng-vương-sát đều hiển hiện, đồng nhập vào thân con. Thân con như hư không khéo vào vi trần quốc độ, rộng làm việc Phật được đại tùy thuận. Thần lực lớn đó là do con quán kỹ bốn đại không chỗ nương, chỉ là vọng tưởng sanh diệt. Hư không không hai. Cõi Phật vốn đồng. Do phát minh tánh đồng con chứng vô sanh nhẫn. Phật hỏi Viên Thông, con quan sát hư không không bờ bến, vào Tam-ma-đề, diệu lực viên minh, đó là hơn cả⁽⁴⁾.

23- Thức Đại:

Di Lặc Bồ-tát đánh lễ chân Phật bạch rằng: Vi trần kiếp về trước có đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Con xuất gia, tâm trọng hư danh, ưa giao du với các dòng họ sang trọng. Thế Tôn dạy con tu tập định duy tâm thức. Từ đó đến nay

con dùng pháp tam muội này phụng sự hằng sa Phật. Đến đời đức Nhiên Đăng con mới thành tựu vô thượng diệu viên thức tâm tam muội. Tất cả cõi nước tịnh uế có không đều do tâm con biến hóa. Bạch Thế Tôn, do con rõ được tánh duy tâm thức nên nơi thức tánh xuất hiện vô lượng Như Lai. Nay con được thọ ký sẽ bổ xứ thành Phật ở cõi này. Phật hỏi Viên Thông, con dùng pháp quán mười phương đều duy thức, thức tâm viên minh, chứng nhập viên thành thật, xa rời y tha khởi và biến kế chấp, được vô sanh nhẫn, đó là hơn cả⁽⁵⁾.

24- Kiến Đại:

Đại Thế Chí Bồ-tát cùng 52 vị đồng hạnh lễ chân Phật bạch rằng: Nhiều kiếp xa xưa có Phật Vô Lượng Quang. Mười hai Như Lai cùng nối ngôi nhau ra trong

một kiếp. Vị cuối cùng hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy con niệm Phật tam muội. Ví như hai người, một người chuyên nhớ, một người cứ quên. Hai người như thế dù có gặp nhau cũng như chẳng gặp. Dù có thấy nhau cũng như chẳng thấy. Vậy hai người phải cùng nhớ đến nhau rất là thâm thiết, kiếp này kiếp khác, như bóng với hình chẳng hề rời nhau. Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn chạy thì mẹ đâu nhớ có làm gì được. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, mẹ con đời đời chẳng rời xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, đời này đời sau quyết định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Chẳng nhờ phương tiện, tự được tâm khai. Như người ướp hương thân có hương thơm. Pháp này gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Chỗ bản

nhân con dùng tâm niệm Phật vào vô sanh nhẫn. Nay ở cõi này nhiếp người niệm Phật về Tịnh-độ. Phật hỏi Viên Thông. Con không chọn lựa, nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, được Tam-ma-đề, đó là hơn cả.

B) QUÁN ÂM QUẢNG TRẦN

25- Nhĩ Căn:

TU CHỨNG

Quán Thế Âm Bồ-tát danh lễ chân Phật bạch rằng: Thế Tôn, hằng hà sa kiếp xưa, con phát tâm Bồ-đề nơi Phật Quán Thế Âm. Ngài dạy con nghe pháp, suy ngẫm rồi tu hành để vào chánh định.

Ở trong tánh nghe, nhập lưu vong sở. Sở nhập đã tịch, động tĩnh hai tướng rõ ràng không sanh. Như vậy tiến tu, văn sở văn tận. Tận văn không trụ, giác sở giác không. Không giác cực viên, không sở

không diệt. Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền⁽⁶⁾.

Hốt nhiên siêu vượt thế xuất thế gian, mười phương viên minh, được hai thù thắng:

1. Trên hợp mười phương chư Phật bản diệu giác tâm, cùng Phật Như Lai đồng một từ lực.

2. Dưới hợp mười phương chúng sanh, cùng với chúng sanh một lòng bi ngưỡng⁽⁷⁾.

32 ỨNG THÂN

Bạch đức Thế Tôn! Nhân con cúng dường Quán Âm Như Lai, được truyền pháp định “như huyễn văn huân văn tu kim cương”. Cùng Phật Như Lai đồng một từ lực, khiến con thân thành 32 diệu ứng vào các quốc độ.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát vào định tiến tu vô lậu, thắng giải hiện viên, con hiện thân Phật để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu hàng hữu học tịch tĩnh diệu minh, thắng diệu hiện viên, con hiện Độc-giác để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu hàng hữu học đoạn 12 duyên, duyên đoạn thắng tánh, thắng diệu hiện viên, con hiện Duyên-giác để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu hàng hữu học chứng lý sanh-không của pháp Tứ Đế, hành đạo tịch diệt, thắng tánh hiện viên, con hiện Thanh-văn để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu có chúng sanh tỏ biết lòng dục, không phạm dục trần, dục thân đã tịnh,

con hiện Phạm Vương để vì nói pháp khiến được giải thoát.

Nếu có chúng sanh muốn làm thiên chúa thống lãnh cõi trời, con hiện Đế Thích để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn thân tự tại du hành mười phương, con liền hiện thân làm trời Tự Tại để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn thân tự tại bay trong hư không, con liền hiện thân trời Đại Tự Tại để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn thống quỹ thân cứu hộ quốc độ, con liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn thống thế giới bảo hộ quần linh, thì con liền hiện Tứ Thiên Vương thân để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn sanh thiên cung sai sử quỷ thần, con hiện thái tử của Tứ Thiên Vương để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh muốn làm vua người, con hiện thân vua vì họ nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh ưa thích muốn làm chủ dòng quý tộc thế gian kính nhường. Con hiện trưởng giả để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh ưa nói danh ngôn, sống đời thanh tịnh, con hiện cư sĩ để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh ham thích chánh trị phán đoán việc nước, con hiện Tế Quan để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh ưa thích số thuật, điều dưỡng vệ sanh, bảo tồn thành kiến, con sẽ hiện thân làm Bà-la-môn để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có những ai ham học xuất gia, giữ gìn giới luật, con hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh thích trì 5 giới, con sẽ hiện thân hoặc Ưu-bà-tắc, hoặc Ưu-bà-di để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có nữ nhân, nội chánh lập thân, tề gia trị quốc, con sẽ hiện thân nữ chúa, hoàng hậu, mệnh phụ đại gia, để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có chúng sanh không hoại nam căn, con hiện đồng nam để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có trinh nữ giữ gìn thân thể không ưa xâm bạo, con hiện đồng nữ để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Nếu có Trời Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân, có hình không hình, có tướng không tướng, trong lòng ước mong cứu độ đồng loại, con hiện thân họ để vì nói pháp khiến được thành tựu.

Thế là 32 diệu tịnh ứng thân vào các quốc độ, đều nhờ tam muội văn huân văn tu vô tác diệu lực tự tại thành tựu.

14 THÍ VÔ ÚY

Bạch Thế Tôn, con cũng lại nhờ “văn huân văn tu kim cang tam muội vô tác

diệu lực” nên cùng mười phương ba đời sáu đạo hết thấy chúng sanh đồng một bi ngưỡng, khiến cho chúng sanh nơi thân tâm con được hưởng mười bốn công đức vô úy⁽⁸⁾.

1. Không nghe âm thanh, chỉ nghe tánh nghe nên con có thể khiến khắp mười phương khổ não chúng sanh tự nghe âm thanh mà được giải thoát⁽⁹⁾.

2. Xoay thấy trở vào khiến các chúng sanh dù gặp lửa lớn, lửa chẳng thể đốt⁽¹⁰⁾.

3. Xoay nghe trở vào khiến các chúng sanh dù gặp nước lớn, nước chẳng thể chìm⁽¹¹⁾.

4. Đoạn diệt vọng tưởng, tâm không sát hại, khiến các chúng sanh dù vào nước quỷ, quỷ không thể phá⁽¹²⁾.

5. Huân tập cái nghe trở thành linh diệu, sáu căn tiêu tan. Vì nghe đã đồng

thể với âm thanh nên khiến chúng sanh sắp bị giết hại, dao gậy từng đoạn, như gươm chém nước, gió thổi ánh sáng, tánh chẳng động giao⁽¹³⁾.

6. Văn huân tinh minh, sáng khắp pháp giới, dẹp tan u ám, khiến cho chúng sanh bị quỷ dữ như Dược-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, quỷ Tỳ-xá-già, Phú-đơn-na v.v... tuy gần một bên mà mắt chẳng thấy⁽¹⁴⁾.

7. Âm thanh tiêu dung, xoay máy nghe vào, lia các trần vọng, hay khiến chúng sanh thoát nạn xiềng trói⁽¹⁵⁾.

8. Diệt âm viên văn, khắp sanh từ lực hay khiến chúng sanh đi qua đường hiểm thoát nạn giặc cướp⁽¹⁶⁾.

9. Huân văn lia trần, không mắc sắc tướng hay khiến hết thảy đa dâm chúng sanh xa lìa tham dục⁽¹⁷⁾.

10. Thuần văn không trần, căn cảnh viên dung không đối sở đối, hay khiến hết thảy phần hận chúng sanh xa lìa sân giận.

11. Tiêu trần về sáng, pháp giới thân tâm như ngọc lưu ly trong suốt không ngại, hay khiến những kẻ hôn độn tánh chướng, bợn thiếu thiện căn xa lìa si ám.

12. Văn cơ tiêu dung, trở về văn tánh, không động đạo tràng thiệp vào thế gian chẳng hoại thế giới, cúng dường mười phương vi trần Như Lai, nơi mỗi vị Phật làm Pháp-vương-tử. Chúng sanh không con muốn cầu con trai, liền sanh con trai phước đức trí tuệ⁽¹⁸⁾.

13. Sáu căn viên thông minh chiếu tròn sáng, ngậm mười phương giới, lập đại viên kính, Không Như Lai Tạng, thừa thuận mười phương vi trần Như Lai bí mật pháp môn, thọ lãnh không

mất. Chúng sanh không con muốn cầu con gái, sẽ sanh con gái phước đức nhu thuận, hình tướng đoan chính mọi người kính yêu.

14. Tam thiên đại thiên thế giới trăm ức mặt trời mặt trăng, hiện có sáu mươi hai ức hằng hà sa Pháp-vương-tử, tu pháp tự lợi, đủ pháp lợi tha, giáo hóa chúng sanh trí tuệ tùy thuận phương tiện chẳng đồng. Vì con đã được viên thông bốn căn, căn tai phát diệu nên sau thân tâm vi diệu hàm dung chu biến pháp giới, hay khiến chúng sanh trì danh hiệu con cùng với người trì sáu mươi hai ức hằng hà sa danh hiệu, công đức hai người bằng nhau không khác. Bạch đức Thế Tôn, một danh hiệu con công đức ngang với nhiều danh hiệu kia vì con tu tập được chân viên thông⁽¹⁹⁾.

Như thế gọi là 14 công đức thí vô úy lực ban phước chúng sanh⁽²⁰⁾.

4 DIỆU ĐỨC KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Bạch đức Thế Tôn! Bởi con nương pháp nhĩ căn viên thông chứng đạo vô thượng nên con được bốn vô tác diệu đức không thể nghĩ bàn.

1- Vì con đã được diệu diệu văn tâm, tâm tinh thoát căn, kiến văn giác tri không còn phân cách, thành một viên dung thanh tịnh bảo giác. Con có thể hiện rất nhiều hình dung kỳ lạ nhiệm mầu. Con có thể nói rất nhiều thần chú. Hoặc hiện 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu cho đến 108 đầu, ngàn đầu, vạn đầu, 8 vạn 4 ngàn đầu như kim cương; 2 tay, 4 tay, 6 tay, 8 tay, 10 tay, 12 tay, 14 tay, 16 tay, 18 tay, 20 tay cho đến 24 tay, 108 tay, ngàn tay, vạn tay, 8 vạn 4

ngàn tay bắt ấn; 2 mắt, 3 mắt, 4 mắt, 9 mắt, như vậy cho đến 108 mắt, ngàn mắt, vạn mắt, 8 vạn 4 ngàn mắt báu thanh tịnh hoặc từ, hoặc oai, hoặc định, hoặc tuệ, cứu hộ chúng sanh được đại tự tại⁽²¹⁾.

2- Chỗ nghe, chỗ nghĩ đã thoát sáu trần, cũng như âm thanh vượt qua tường vách không bị ngăn ngại. Cho nên khéo hiện ra nhiều hình dung, dùng nhiều thần chú, khiến cho chúng sanh thoát khỏi sợ hãi. Vì thế mười phương vi trần quốc độ đều gọi con là bậc Thí Vô Úy.

3- Bởi con tu tập tánh bốn diệu của nhĩ căn viên thông, bốn căn thanh tịnh. Nên khi con dạo chơi các thế giới hay khiến chúng sanh phá tâm xan tham, xả thân trần bảo, cầu con thương xót.

4- Con chứng Phật tâm tới chỗ cứu cánh nên có thể đem của báu cúng dường mười phương Như Lai. Sáu đạo chúng

sanh ở khắp pháp giới, cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu chánh định được chánh định, cầu sống lâu được sống lâu. Như thế cho đến cầu đại Niết-bàn được đại Niết-bàn.

THỌ KÝ DANH HIỆU

Phật hỏi Viên Thông, con từ căn tai viên chiếu tam muội, duyên tâm tự tại, nhân nhập lưu tướng được vào chánh định thành tự Bồ-đề, ấy là hơn cả.

Bạch đức Thế Tôn! Phật Quán Thế Âm khen con khéo được Viên Thông pháp môn. Ở trong đại hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm. Bởi con xem nghe mười phương viên minh cho nên Quán Thế Âm danh vang khắp mười phương thế giới.

MỤC 4:

VĂN THÙ ĐÍCH CHỈ PHÁP VIÊN TU

a) Cảnh Viên thông:

Nơi tòa sư tử, đầu và tay chân đức Phật đồng phóng bảo quang xa chiếu đỉnh đầu mười phương Như Lai cùng Pháp-vương-tử các vị Bồ-tát. Mười phương vi trần Như Lai cũng từ năm thể, đồng phóng bảo quang, rọi về đỉnh đầu Phật, Bồ-tát và A-la-hán ở trong pháp hội. Rừng cây ao đầm đều diễn pháp âm. Ánh sáng giao dệt như lưới tơ báu. Đại chúng được điều chưa bao giờ có. Tất cả đồng chứng Kim Cang Tam Muội. Tức thời mưa hoa trăm thứ sen báu, xanh vàng đỏ

trắng phơi phơi tung bay. Mười phương hư không thành sắc bảy báu. Núi sông đất liền thế giới Ta Bà nhất thời liền ẩn. Chỉ thấy mười phương vi trần quốc độ hợp thành một cảnh. Phạm âm vịnh ca tự nhiên phu tấu.

b) Phật bảo Văn Thù chọn căn viên thông:

Phật bảo Văn Thù: Nay Pháp-vương-tử! Nay ông hãy xem 25 vị vô học Bồ-tát và A-la-hán, ai nấy đều trình tối sơ phương tiện khi mới hành đạo. Vị nào cũng nói mình tu tập được chân thật viên thông. Các ngài tu hành quả tình không ai có hơn có kém. Và cũng không có sai biệt khác nhau. Ta nay trong 25 hạnh muốn khiến Anan tỏ ngộ pháp nào hợp với căn cơ. Và sau khi ta diệt độ, chúng sanh vào Bồ-tát thừa cầu Vô-thượng-đạo nên dùng pháp nào cho dễ thành tựu⁽²²⁾.

c) Văn Thù kệ đáp:

**Văn Thù Sư Lợi Pháp-vương-tử đánh
lễ chân Phật, nường oai thần Phật nói kệ
bạch rằng:**

1. Giác tánh vốn diệu, mê vọng vốn không:

*Bể giác tánh trùng viên,
Viên trùng giác nguyên diệu.
Nguyên minh chiếu sanh sở,
Sở lập tánh chiếu vong.*

*Mê vọng có hư không,
Y không lập thế giới.
Tưởng trùng thành quốc độ,
Tri giác là chúng sanh.*

*Hư không trong biển giác
Như bọt nổi mặt bể.
Vi trần cõi hữu lậu
Y hư không mà thành.*

*Bọt tan hư không mất
Hướng chi là 3 cõi.
Về nguồn tánh không hai,
Phương tiện có nhiều cửa.*

*Tánh Thánh đâu chẳng thông,
Thuận nghịch do phương tiện.
Sơ tâm vào chánh định,
Mau chậm có khác nhau.*

2. Lọc bỏ:**SÁU TRẦN**

*1/- Vọng tưởng kết lại thành sắc trần,
Hay biết không thể thông suốt được.
Làm sao dùng nhân không giác biết
Để tu hành cầu tánh viên thông?*

2/- Âm thanh vốn dùng vào lời nói,
 Ở trong ngậm ý vị danh từ.
 Nếu một không suốt được tất cả
 Thì làm sao được tánh viên thông? ⁽²³⁾

3/- Hương chỉ lúc hợp mới rõ biết,
 Rồi cảnh vốn thật là không có.
 Sở giác đã không phải thường xuyên
 Thì làm sao được tánh viên thông?

4/- Vị không phải bản nhiên tự có,
 Cần phải nếm mới biết có vị.
 Nếu vị trần không thường hằng nhất
 Thì làm sao được tánh viên thông?

5/- Xúc do chạm các vật mà biết,
 Không vật chạm không có xúc giác.
 Khi hợp khi ly không nhất định
 Thì làm sao được tánh viên thông?

6/- Pháp cũng còn tên là nội trần,

Nương theo trần tất có đối đãi.
 Năng sở không viên dung thành một
 Thì làm sao được tánh viên thông?

NĂM CĂN

1/- Cái thấy tuy rộng suốt rất xa
 Nhưng thấy đằng trước, không thấy sau.
 Bốn bề còn thiếu mất một phần
 Thì làm sao được tánh viên thông?

2/- Mũi chuyên thở ra và thở vào,
 Chặng giữa hiện tiền không công năng.
 Chẳng thể viên dung sự cách bức
 Thì làm sao được tánh viên thông?

3/- Vật không chạm lưỡi, làm sao nếm?
 Nhân có trần mới có phân biệt.
 Giác quan không trần không hiển lộ
 Thì làm sao được tánh viên thông?

4/- Thân biết xúc với cảnh sở xúc
 Đều có hạn, không phải cùng khắp.
 Nếu không nhận tánh không bờ bến
 Thì làm sao được tánh viên thông?

5/- Ý căn hiện rõ nhờ loạn tưởng,
 Đứng lặng rớt cuộc không thấy gì.
 Còn không thoát nổi các tưởng niệm
 Thì làm sao được tánh viên thông?

SÁU THỨC

1/- Nhãn thức phát khởi nhờ căn trần,
 Gạn cùng vốn không có tự tướng.
 Ngay tự thể còn không nhất định
 Thì làm sao được tánh viên thông?

2/- Tâm nghe rộng thấu cả 10 phương
 Là do sức hoàng thế rộng lớn.
 Sơ tâm không thể đến chỗ ấy

Thì làm sao được tánh viên thông?

3/- Quán tướng trắng ở nơi chớp mũi
 Vốn quyền tạm nhiếp tâm an trụ.
 Cảnh quán đã thành nơi sở trụ
 Thì làm sao được tánh viên thông?

4/- Thuyết pháp khéo dùng các danh từ,
 Trước hết mình phải đã khai ngộ.
 Chính lời nói là pháp hữu vi
 Thì làm sao được tánh viên thông?

5/- Trì giới chỉ câu thúc cái thân,
 Rời thân ra lấy gì câu thúc?
 Vốn không phải cùng khắp tất cả
 Thì làm sao được tánh viên thông?

6/- Thần thông do nhân tu đời trước
 Quan hệ gì đến thức phân biệt?
 Niệm duyên trần, đâu thoát sự vật
 Thì làm sao được tánh viên thông?

BẢY ĐẠI

1/- Nếu quan sát bản nguyên địa đại,
 Thể chất ngăn ngại không thông suốt.
 Pháp hữu vi đâu phải thánh chủng
 Thì làm sao được tánh viên thông?

2/- Nếu quan sát bản nguyên thủy đại,
 Tưởng niệm đâu phải là chân thật.
 Diệu chân như chẳng do quán tưởng
 Thì làm sao được tánh viên thông?

3/- Nếu quan sát bản nguyên hỏa đại,
 Còn phải chán tức chưa thật ly.
 Phương tiện này sơ tâm khó tập
 Thì làm sao được tánh viên thông?

4/- Nếu quan sát bản nguyên phong đại,
 Động tĩnh tức còn phải đối đãi.
 Đối đãi trái với Vô-thượng-giác
 Thì làm sao được tánh viên thông?

5/- Nếu quan sát bản nguyên không đại,
 Trước hết ngoan ngu chẳng phải giác.
 Không giác khác hẳn với Bồ-đề
 Thì làm sao được tánh viên thông?

6/- Nếu quan sát bản nguyên thức đại,
 Thức sanh diệt đâu phải thường trụ.
 Để tâm trong phân biệt hư vọng
 Thì làm sao được tánh viên thông?

7/- Tất cả các hành đều vô thường,
 Tưởng niệm vốn trong vòng sanh diệt.
 Nhân và quả khác nhau như thế,
 Thì làm sao được tánh viên thông? ⁽²⁴⁾

3. Chọn lấy nhĩ căn viên thông:**1- Hợp với giáo thể cõi Ta Bà:**

Con nay bạch Thế Tôn!
 Phật giáng cõi Ta Bà,

*Phương này chân giáo thể
Thanh tịnh tại âm văn.
Muốn nhập vào chánh định
Thật phải do tánh nghe.*

2- Xưng tán Quán Thế Âm:

*Lìa khổ được giải thoát,
Hay thay Quán Thế Âm!
Trong hàng hà sa kiếp
Vào vi trần cõi Phật,
Được lực đại tự tại
Khấp bá thí an vui.*

*Diệu Âm, Quán Thế Âm,
Phạm Âm, Hải Triều Âm,
Cứu thế tất an ninh,
Xuất thế được thường trụ.*

3- Xưng tán nhĩ căn:

a) Con nay bạch Như Lai:

*Như Quán Thế Âm nói,
Thí như người an tịnh,
Mười phương cùng đánh trống,
Mười chỗ nhất tề nghe.
Đây là VIÊN chân thật!*

*b) Có ngăn mắt chẳng thấy,
Miệng mũi cũng như vậy.
Thân nhân hợp mới biết,
Tâm niệm loạn không mối.*

*Cách vách phân biệt tiếng,
Xa gần đều cùng nghe.
Năm căn chẳng thể bằng.
Đây là THÔNG chân thật!*

*c) Âm thanh tánh động tĩnh,
Cái nghe thành có không.
Không thanh gọi không nghe,
Chẳng phải thật không nghe.*

Thanh không đã không diệt,

Thanh có cũng chẳng sanh.

Sanh diệt đều xa lìa,

Đây là THƯỜNG chân thật!

d) Dù ở trong mộng tưởng,

Không nghĩ, nghe chẳng không.

Giác quan vượt tư duy,

Thân tâm đâu bì kịp.

4- Nhĩ căn thiết yếu:

Nay ở cõi Ta Bà,

Âm thanh được tuyên minh.

Chúng sanh mê tánh nghe,

Theo âm thanh lưu chuyển.

Anan dù nhớ giỏi

Vẫn không miễn tà tư.

Chỉ cần đừng theo nữa,

Xoay lại liền hết vọng.

Anan hãy nghe kỹ:

Tôi nương oai lực Phật,

Tuyên nói Kim Cang Vương.

Như huyễn khó nghĩ bàn,

Phật mẫu chân tam-muội.

Ông nghe vi trần Phật

Hết thấy bí mật môn,

Dục lậu trước chẳng trừ,

Nghe nhiều thành lầm lỗi.

Đem nghe trì Phật Phật,

Sao chẳng tự Nghe Nghe?

Nghe không tự nhiên sanh,

Nhân thanh có tên gọi.

Xoay nghe thoát thanh trần,

Năng thoát gọi tên gì?

Một căn đã về nguồn,

Sáu căn đồng giải thoát.

Thấy nghe như huyễn lóa.
 Ba cõi tựa không hoa.
 Nay xoay nghe trở lại.
 Căn nghe huyễn lóa trừ.
 Trần tiêu, giác viên tịnh.
 Tịnh cực, quang thông suốt.
 Tịch chiếu khắp hư không.

Trở lại xem thế gian
 Chỉ như việc trong mộng.
 Ma Đãng Già trong mộng
 Làm sao lưu giữ ông?

Thầy ảo thuật thế gian
 Huyền hóa các nam nữ.
 Tuy thấy thân hình động
 Chỉ do chiếc máy giật.
 Tắt máy liền êm ru
 Vì huyễn hóa không thật.

Sáu căn cũng như vậy,
 Nguyên y một tinh minh
 Chia thành sáu hòa hợp.
 Một chỗ đã hưu phục,
 Sáu dụng đều không còn.
 Trần cấu ứng niệm tiêu
 Thành viên minh tịnh diệu.

Trần cấu nếu còn dư
 Là ở ngôi tu học.
 Sáng suốt tới cùng tột
 Tức chứng quả Như Lai.

Đại chúng và Anan
 Hãy quay máy nghe lại,
 Xoay nghe nghe tự tánh,
 Tánh thành vô thượng đạo.
 Viên thông thật như vậy!

5- Nhĩ căn độc diệu:

Đây là đường Niết-bàn
 Cửa vi trần đức Phật.
 Quá khứ các Như Lai,
 Môn này đã thành tựu.
 Hiện tại các Bồ-tát,
 Nơi đây vào viên minh.
 Vị lai ai tu học
 Nên y theo pháp này.
 Chính ta cũng nhân đây
 Mà đã tu cùng chứng.
 Chẳng những Quán Thế Âm.

Thành thật bạch Thế Tôn!
 Tận cùng các phương tiện
 Để cứu đời mạt kiếp,
 Những người xuất thế gian
 Thành tựu tâm Niết-bàn
 Quán Thế Âm hơn cả.

Ngoài ra các phương tiện

Đều nương Phật oai thần.
 Túc sự xả trần lao,
 Người thường khó tu học.
 Pháp có cạn có sâu.
 Các Thánh đã trình bày.

6- Cầu gia bị:

Đánh lễ Như Lai Tạng
 Vô lậu khó nghĩ bàn,
 Xin gia hộ vị lai,
 Với môn này không lầm⁽²⁵⁾.

7- Văn kết:

Phương tiện dễ thành tựu
 Nên dạy cho Anan
 Và mạt kiếp trầm luân.
 Hãy nơi căn tai tu,
 Viên thông hơn tất cả,
 Chân thật tâm như vậy!

d) Nghe pháp được chứng:

Khi ấy Anan cùng với đại chúng thân tâm tỏ ngộ, xem quả Bồ-đề và đại Niết-bàn cũng như có người nhân việc đi xa, chưa thể về nhà nhưng đã biết rành ngành ngọn đường lối. Khắp hội đại chúng, thiên long tám bộ, hữu học nhị thừa cùng hết thảy tâm phát tâm Bồ-tát, con số có tới mười hằng hà sa, đều được bốn tâm, xa trần lìa cấu, chứng pháp nhãn tịnh. Tánh Tỳ-kheo-ni nghe nói kệ xong thành A-la-hán. Vô lượng chúng sanh hoan hỷ phát tâm Vô-thượng Bồ-đề.

MỤC 5:**YẾU PHÁP HỘ ĐỊNH****a) Giới luật nghiêm trì:**

Anan tâm tích viên minh⁽²⁶⁾, vừa mừng vừa tủi, sửa áo chỉnh tề, cúi đầu bạch Phật: Đại bi Thế Tôn! Con nay đã ngộ pháp môn thành Phật, trong sự tu hành được không nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai dạy: Tự mình chưa được độ, trước lo độ người là Bồ-tát phát tâm. Tự giác đã viên, giác ngộ kẻ khác là Như Lai ứng thế. Con tuy chưa được độ, nguyện độ tất cả chúng sanh về sau. Bạch Thế Tôn! Chúng sanh cách Phật

ngày càng xa, tà sư thuyết pháp như cát sông Hằng, muốn nhiếp tâm vào chánh định phải dựng lập đạo tràng thế nào để thoát ma sự?

- Hay lắm, hay lắm! Ông hỏi về cách thức dựng lập đạo tràng, cứu giúp chúng sanh chìm đắm trong đời mạt pháp. Ông hãy nghe kỹ, tôi vì ông nói.

Này Anan, ông thường nghe trong tạng luật ba nghĩa quyết định:

- 1 - Nhiếp tâm trì giới.
- 2 - Nhân giới sanh định.
- 3 - Nhân định phát tuệ.

Thế gọi là ba học vô lậu.

1. Đoạn dâm:

Anan, sáu đạo chúng sanh tâm không dâm, sẽ không còn sanh tử tiếp tục. Tu tam-muội cốt ra khỏi trần lao, tâm dâm

không trừ, dù trí tuệ thiên định hiện tiền cũng quyết lạc ma đạo. Hạng trên làm ma vương, hạng giữa làm ma dân, hạng dưới làm ma nữ. Ma có đông đồ chúng, tự xưng thành đạo vô thượng. Sau khi ta diệt độ rồi, bọn ma này đầy dẫy thế gian, giả làm thiện tri thức, dùng việc tham dâm đưa chúng sanh vào hầm ái kiến, mất đường Bồ-đề.

Tu chánh định trước hết phải đoạn tâm dâm. Đây là lời dạy bảo quyết định thứ nhất của các đức Như Lai. Này Anan, không đoạn tâm dâm mà tu thiên định cũng như nấu cát để thành cơm, dù trải ngàn kiếp cũng chỉ có cát nóng. Vì cát không phải là bản nhân của cơm. Đem dâm tâm cầu Phật diệu quả, dù được diệu ngộ cũng vẫn là gốc trôi buộc. Trôi lăn trong tam đồ không thể ra khỏi, còn đường nào tu chứng Niết-bàn? Thân tâm

đoạn tiết giống dâm, tướng đoạn cũng không còn thì Bồ-đề mới hy vọng.

Nói như thế là Phật nói. Không nói như thế là ma nói.

2. Đoạn sát:

Anan, sáu đạo chúng sanh tâm không sát sẽ không còn sanh tử tiếp tục. Tu tam-muội cốt ra khỏi trần lao, tâm sát không trừ, dù trí tuệ thiên định hiện tiền cũng quyết lạc thân đạo. Hạng trên làm đại lực quỷ, hạng giữa làm phi hành dạ-xoa các loài quỷ soái, hạng dưới là địa hành la-sát. Quỷ thần cũng có đồ chúng, tự xưng thành đạo vô thượng. Thời mặt pháp, quỷ thần đầy dẫy trong thế gian, tự nói ăn thịt được đạo Bồ-đề. Anan, ta cho phép các Tỳ-kheo ăn năm thứ tịnh nhục. Thịt này do thân lực ta hóa sanh, không có mạng căn. Vì xứ nhiều cát đá, rau cỏ

không thể sanh sản. Sau khi Như Lai diệt độ, làm sao ăn thịt chúng sanh lại tự xưng là Thích tử? Các ông nên biết, dù tâm đã khai ngộ, tựa như vào chánh định mà còn ăn thịt, thì quả báo phải làm la-sát, chìm đắm trong biển khổ sanh tử. Giết nhau ăn nhau làm sao ra khỏi ba cõi? Tu Tam-ma-đề kế phải đoạn lòng sát sanh. Đây là lời dạy rõ ràng thanh tịnh quyết định thứ hai của các đức Như Lai.

Anan, không đoạn sát sanh mà tu thiên định cũng như bịt tai kêu lớn, mong mọi người không nghe, càng muốn giấu càng lộ. Thanh tịnh Tỳ-kheo và các Bồ-tát không dẫm cỏ tươi trên đường đi, hướng là lấy tay nhổ cỏ. Làm sao đại bi lại ăn máu thịt chúng sanh?

Tỳ-kheo không mặc tơ tằm, áo cừu áo len, không đi dép da thú, không dùng sữa và các thức ăn làm bằng sữa, đối với thế

gian thật là giải thoát, không trở lại ba cõi nữa. Vì còn dùng một phần thân thể chúng sanh là còn duyên nợ. Như người ăn bách cốc của đất, chân không thể rời khỏi đất. Quyết khiến thân tâm đối với thân thể hay một bộ phận thân thể chúng sanh, không dùng không ăn. Ta ấn chứng người này chân thật giải thoát.

Nói như thế là Phật nói. Không nói như thế là ma nói.

3. Đoạn trộm:

Anan, sáu đạo chúng sanh tâm không trộm cắp, sẽ không còn sanh tử tiếp tục. Tu tam-muội cốt ra khỏi trần lao, dầu có trí tuệ thiên định hiện tiền, nếu không đoạn tâm trộm cắp quyết lạc tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng giữa làm yêu mị, hạng dưới là người tà bị quỷ mỵ nhập. Bọn tà này rất nhiều đồ chúng, tự

xưng thành đạo vô thượng. Thời mặt pháp yêu mị đầy dẫy thế gian, tự nhận là thiện tri thức để lường gạt người không biết. Chúng đi đến đâu, nhà người hao tổn tan nát. Không tự nấu ăn, Tỳ-kheo thứ lớp khát thực, không chứa giữ gạo thóc, để xả bỏ lòng tham, hướng đạo Bồ-đề, làm khách đi qua ba cõi, một phen ra khỏi không trở lại nữa. Bọn giặc mượn y phục đạo Phật buôn bán Như Lai, gây đủ thứ nghiệp tự gọi là Phật sự, chê bai Tỳ-kheo trì giới là tiểu thừa, gây nghi ngờ cho vô lượng chúng sanh, tự dẫn mình vào ngục vô gián.

Sau khi ta diệt độ, Tỳ-kheo quyết tâm tu Tam-ma-đề, đối trước hình tượng Như Lai, đốt một ngón tay một ngọn đèn hay một môi hương ở trên thân. Ta ấn chứng người này một thời trả hết túc trái từ vô thủy. Bởi vì tuy chưa hiểu rõ đạo vô

thượng nhưng đối với Phật Pháp tâm đã quyết định. Nếu không gieo được chút nhân xả thân như thế thì dù thành đạo vô vi cũng phải trở lại làm người để trả nợ cũ. Như quả báo ăn lúa ngựa của ta không khác. Tu Tam-ma-đề phải đoạn lòng trộm cắp là lời dạy rõ ràng thanh tịnh quyết định thứ ba của các đức Như Lai. Nay Anan, nếu không đoạn trộm cắp mà tu thiền định thì cũng như người rót nước vào chén thủng, trải vi trần kiếp không bao giờ đầy. Tỳ-kheo ngoài y bát mảy may không tích trữ. Xin ăn còn dư đều bố thí cho chúng sanh đói. Chắp tay lễ chúng, coi đánh mắng như khen ngợi, xả bỏ cả thân và tâm, coi xương máu là sở hữu chung. Không đem những lời dạy bất liễu nghĩa của Như Lai làm lầm lạc kẻ sơ học. Phật ấn chứng vị này thật

được tam-muội. Nói như thế là Phật nói. Không nói như thế là ma nói.

4. Đoạn đối:

Anan, sáu đạo chúng sanh thân tâm không còn sát đạo dâm, ba hạnh đã viên mãn. Nếu còn đại vọng ngữ thì Tam-ma-đề không được thanh tịnh, thành ma ái kiến mất giống Như Lai. Chưa được tự cho là được, chưa chứng tự cho đã chứng. Tự nhận đã được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán hay các quả vị Bồ-tát, trông mong người nghe lễ bái cúng dường. Những kẻ bất tín này tự tiêu diệt giống Phật như chặt cây đa-la, bị Phật ấn ký là vĩnh đoạn thiện căn, mất chánh tri kiến, chìm trong ba đường khổ. Phật dạy các hàng Bồ-tát và A-la-hán ứng thân trong đời mạt pháp, hiện nhiều hình tướng khác nhau để độ cho những ai còn

trong vòng luân hồi. Hoặc hiện thân làm Sa-môn, cư sĩ, vua chúa, quan dân cho đến làm dân nữ, quả phụ, trộm cắp, gian dối để khen ngợi Phật thừa, đưa người đời vào chánh định nhưng không bao giờ được tiết lộ mật tích, chỉ trừ lúc lâm chung mới được di chúc. Làm sao lừa gạt chúng sanh để thành đại vọng ngữ?

Tu Tam-ma-đề phải đoạn trừ đại vọng ngữ. Đây là lời dạy rõ ràng quyết định thanh tịnh thứ tư của các đức Như Lai. Khắc phân thành hình cây chiên đàn mà muốn được hương thơm của chiên đàn, thật không bao giờ có. Tỳ-kheo lấy trực tâm làm đạo tràng, trong hết thủy hành động, nơi bốn oai nghi không giả dối. Làm sao lại có kẻ dám tự xưng được pháp vô thượng? Dân cùng càn xưng đế vương còn tự chuốc lấy tội tru di huống tự nhận là đấng Pháp-vương? Nhân không thật

quả ắt quanh co, cầu đạo Bồ-đề như người muốn tự căn rốn làm sao thành tựu? Hàng Tỳ-kheo tâm thẳng như dây đàn, tất cả đều chân thật, vào Tam-ma-đề hẳn không ma sự. Ta ấn chứng vị này thành tựu Bồ-tát vô thượng tri giác. Nói như thế là Phật nói. Không nói như thế là ma nói.

b) Thân chú trừ tập khí:

Anan, muốn vào Tam-ma-đề tu học diệu pháp cầu Bồ-tát đạo, cốt yếu giữ bốn luật nghi thanh tịnh như băng sương, tự không thể sinh ra tất cả cành lá. Ba thân nghiệp, bốn khẩu nghiệp không còn nhân để phát sanh. Bốn việc như vậy không thiếu sót, tâm không duyên sáu trần, tất cả ma sự làm sao có được. Nếu còn tập khí không thể diệt trừ phải nhất tâm tụng thân chú “Phật đỉnh quang minh ma

ha tát đất đa bát đất ra”. Đây là vô vi tâm Phật ngồi trên hoa sen, ở vô kiến đỉnh tướng của Như Lai tuyên nói.

Ông cùng Ma Đăng Già tập khí ân ái nhiều đời mà chỉ cần một phen nghe qua, cô liền tâm ái cạn khô, nay thành A-la-hán. Cô là dâm nữ không tâm tu hành, nương sức thần chú cô đã mau chứng quả vô học. Huống chi hàng Thanh-văn các ông cầu tối thượng thừa thì thành Phật như tung bụi thuận gió nào khó khăn chi?

Thời mật pháp muốn ngồi đạo tràng, trước hết phải giữ cấm giới Tỳ-kheo thanh tịnh. Cần cầu thỉnh những bậc Sa-môn trì giới làm thầy. Nếu không gặp được tăng chúng thanh tịnh thì giới phẩm luật nghi không thành tựu. Đắc giới rồi mặc áo mới sạch, đốt hương, ở chỗ an nhàn, tụng thần chú 108 biến. Về sau kết

giới dựng lập đạo tràng, cầu mười phương Như Lai phóng hào quang đại bi rọi đỉnh đầu. Nay Anan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, bạch y đàn việt, trong thời mật pháp, tâm diệt tham dâm, giữ giới thanh tịnh, ở trong đạo tràng phát nguyện Bồ-tát, ra vào tắm rửa, sáu thời hành đạo, hai mươi một ngày không ngủ. Thích Ca Như Lai tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đầu an ủi khiến được khai ngộ.

1- Nghi thức lập đạo tràng: ⁽²⁷⁾

Anan bạch Phật: Nương lời dạy bảo vô thượng của Như Lai, tâm con khai ngộ, tỏ biết đường tu thành quả vô học. Thời mật pháp muốn lập đạo tràng cần kết giới thế nào cho hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật?

- Trước hết phải lấy phân đại lực bạch ngưu ở núi Tuyết Sơn. Trâu trắng này chỉ

ăn cỗ thơm ngon và uống nước trong trên núi nên phân mịn màng. Lấy phân ấy hòa hợp với hương chiên đàn để quét trên mặt đất. Nếu không phải trâu ở Tuyết Sơn thì phân hôi nhớp không dùng được. Phải riêng ở nơi bình nguyên, đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy thứ đất vàng từ năm thước trở xuống. Mười thứ hương: chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiệt, nghiền rây thành bột trộn với đất ấy để trát trên mặt đạo tràng. Đàn bát giác mỗi bề một trượng sáu. Trung tâm an trí một hoa sen vàng bạc đồng hay gỗ tùy sức. Giữa hoa để một cái bát đựng nước mù sương tháng tám. Trong bát cắm các hoa lá hiện có. Để tám cái gương tròn, mỗi cái một phía chung quanh hoa sen. Ngoài gương lại an trí mười sáu hoa sen, giữa mỗi hoa sen để

một lư hương, trong lư đốt toàn trầm thủy không cho nổi lửa. Mười sáu bình sữa bò trắng, đường cát, bánh rán, bột sữa, tô hợp, mứt gừng, mật ong, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ mười sáu, đặt quanh vòng ngoài hoa sen.

Để cúng dường chư Phật Bồ-tát, trong mỗi thời ăn và nửa đêm, lấy nửa thặng mật ba cấp bơ. Trước đàn để riêng một lư lửa nhỏ. Lấy hương đầu-lâu-bà nấu nước thơm rửa than cho sạch. Đốt than trong lư đổ hồng rồi rót mật và bơ vào, đốt cho lên khói. Ở bốn phía ngoài, treo phan và hoa. Bên trong an trí hình tượng mười phương Như Lai và các Bồ-tát ở bốn vách. Chính giữa để hình tượng Phật Lư Xá Na, Thích Ca, Di Lạc, A Sơ, Di Đà và các hình tượng Quán Âm đại biến hóa. Lại thêm hình tượng các Kim Cang Tạng Bồ-tát để ở hai bên. Những tượng Đế Thích, Phạm

Vương, Ô Sô Sắt Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Ly, Tỳ Câu Chi và Tứ Thiên Vương, Tần Na, Dạ Ca treo ở hai bên cửa. Lại lấy tám gương treo úp trên cao đối chiếu với tám gương đã để trong đàn tràng, khiến các hình ảnh lồng nhau nhiều lớp.

a) Bảy ngày đầu chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Phật, các đại Bồ-tát và A-la-hán. Sáu thời nhiều quanh đàn tụng chú mỗi thời 108 biến.

b) Bảy ngày chuyên phát nguyện Bồ-tát tâm không gián đoạn theo mẫu đã dạy trong luật nghi⁽²⁸⁾.

c) Bảy ngày trì chú bát đát ra. Đến ngày thứ bảy sẽ thấy mười phương Như Lai đồng thời xuất hiện trong ánh sáng các mặt gương giao xen và được Phật xoa đỉnh. Như thế người tu học trong thời mật pháp, thân tâm sáng suốt như ngọc lưu ly.

Anan, nếu trong số các giới sư của vị Tỳ-kheo ấy hay trong số mười vị cùng tu đồng hội, có một người giới phẩm không thanh tịnh thì phần nhiều đàn tràng không thành tựu.

Hai mươi mốt ngày xong rồi, ngồi nghiêm chỉnh an cư 100 ngày. Lợi căn không rời chỗ ngồi được quả Tu-đà-hoàn. Dầu cho Thánh quả chưa đạt nhưng tự biết quyết sẽ thành Phật không nghi.

2- Thần chú:

Anan đánh lễ chân Phật bạch rằng: “Từ khi xuất gia, y lại Phật thương, con chỉ cầu tuệ đa văn, chưa chứng quả nên bị tà thuật Phạm Thiên sai sử. Tâm tuy tỏ biết mà không sức tự chủ. Nhờ ngài Văn Thù trùng tuyên thần chú khiến con giải thoát. Tuy thâm nhờ sức thần chú nhưng con chưa được thân nghe. Nguyên Như

Lai đại từ tuyên nói lại, cứu giúp người tu hành đời này và đời sau, nhờ Phật mật âm, được thân ý giải thoát”. Tất cả đại chúng đánh lễ chờ nghe thần chú.

Đức Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng hào quang trăm báu. Trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh có hóa thân Như Lai ngồi, đỉnh đầu chiếu ra mười đạo hào quang bách bảo. Trong mỗi mỗi hào quang đều hiện mười hằng hà sa Kim Cương Mật Tích xách núi cầm chày khắp cõi hư không. Đại chúng ngẩng lên vừa mừng vừa sợ, cầu Phật thương xót che chở. Nhứt tâm nghe đức phóng quang Như Lai, nơi Phật vô kiến đánh tướng, tuyên nói thần chú:

1 - Nam mô sát tát tha, sô ga đa da, a ra ha tê, sam mya sam bô đa sê.

2 - Nam mô sát tát tha, bu đa cô ti, si ni sam.

3 - Nam mô sát va, bu đa bu ti, sát ta bê tê.

4 - Nam mô sát ta nam, sam mya sam bô đa cô ti nam.

5 - Sa sê ra pa ca, săng ga nam.

6 - Nam mô lu kê a ra han ta nam.

7 - Nam mô su ru ta pa na nam.

8 - Nam mô sa khít ri ta ca mi nam.

9 - Nam mô lu kê sam mya ca ta nam.

10 - Sam mya ca pa ra, ti pa ta na nam.

11 - Nam mô đê va li si nan.

12 - Nam mô si ta da pi ti da, ta ra li si nan.

13 - Sê pa nu, gơ ra ha, sô ha sa ra ma tha nam.

- 14 - Nam mô pát ra ha ma ni.
- 15 - Nam mô in đa ra da.
- 16 - Nam mô ba ga va tê.
- 17 - Ru đa ra da.
- 18 - U ma pun ti.
- 19 - Sô hê da da.
- 20 - Nam mô ba ga va tê.
- 21 - Na ra da, na da.
- 22 - Phun cha ma ha, sam mu ta ra.
- 23 - Nam mô si khít ri ta da.
- 24 - Nam mô ba ga va tê.
- 25 - Ma ha ca ra da.
- 26 - Ti ri pa ra na ga ra.
- 27 - Pi ta ra, pa na ca ra da.
- 28 - A ti mu tê.
- 29 - Si ma sa na ni, ba si ni.

- 30 - Ma tát ri ga na.
- 31 - Nam mô si khít ri ta da.
- 32 - Nam mô ba ga va tê.
- 33 - Ta tha ga ta cô ra da.
- 34 - Nam mô pát tâu ma cô ra da.
- 35 - Nam mô pát cha ra cô ra da.
- 36 - Nam mô ma ni cô ra da.
- 37 - Nam mô ga cha cô ra da.
- 38 - Nam mô ba ga va tê.
- 39 - Ti ri đa su ra si na.
- 40 - Pa ra ha ra na ra cha da .
- 41 - Ta tha ga ta da.
- 42 - Nam mô ba ga va tê.
- 43 - Nam mô a mi ta ba da.
- 44 - Ta tha ga ta da.
- 45 - A ra ha tê.

- 46 - Sam mya sam bô đā da.
- 47 - Nam mô ba ga va tê.
- 48 - A sô bi da.
- 49 - Ta tha ga ta da.
- 50 - A ra ha tê.
- 51 - Sam mya sam bô đā da.
- 52 - Nam mô ba ga va tê.
- 53 - Bi sa cha da, cu ru phi chu ri da.
- 54 - Pa ra bà ra cha da.
- 55 - Ta tha ga ta da.
- 56 - Nam mô ba ga va tê.
- 57 - Sam pu su pi ta.
- 58 - Sát lin nai ra si cha da.
- 59 - Ta tha ga ta da.
- 60 - A ra ha tê.
- 61 - Sam mya sam bô đā da.

- 62 - Nam mô ba ga va tê.
- 63 - Sê kê dê mu na dây.
- 64 - Ta tha ga ta da.
- 65 - A ra ha tê.
- 66 - Sam mya sam bô đā da.
- 67 - Nam mô ba ga va tê.
- 68 - Si tát na kê tu ra cha da.
- 69 - Ta tha ga ta da.
- 70 - A ra ha tê.
- 71 - Sam mya sam bô đā da.
- 72 - Ti piêu, nam mô sát khít ri ta.
- 73 - Ê đām, ba ga va ta.
- 74 - Sát tát tha, ga tu si ni sam.
- 75 - Sát tát ta, pát tát lam.
- 76 - Nam mô a ba ra si đām.
- 77 - Pát ra ti, dang ky ra.

- 78 - Sát ra ba, pu ta gơ ra ha.
 79 - Ni gơ ra ha, khít ca ra ha ni.
 80 - Pát ra, pi ti da, cha đa ni.
 81 - A ca ra, mốt ri chu.
 82 - Pát ri tát ra da, nang khít ri.
 83 - Sát ra ba, pun đa na, mu sa ni.
 84 - Sát ra ba, tát si cha.
 85 - Tát si pháp, pun ma ni, phát ra ni.
 86 - Chê tu ra, si ti nam.
 87 - Gơ ra ha, sô ha sát ra nha cha.
 88 - Pi ta pang sa na khít ri.
 89 - A si cha pinh sê ti nam.
 90 - Na sa sát tát ra nha cha.
 91 - Pa ra sát tha na khít ri.
 92 - A si cha nam.
 93 - Ma ha gơ ra ha nha cha.

- 94 - Pi ta pang sát na khít ri.
 95 - Sát va sê tu ru, ni ba ra nha cha.
 96 - Hu lam tát si pháp, nan cha na sê ni.
 97 - Pi sa sê, si tát ra.
 98 - A kít ni, u đa ca ra nha cha.
 99 - A pát ra si ta khu ra.
 100 - Ma ha pát ra chên chi.
 101 - Ma ha típ ta.
 102 - Ma ha ti cha.
 103 - Ma ha suê ta cha ba ra.
 104 - Ma ha pát ra pun đa ra, ba si ni.
 105 - A ri da ta ra.
 106 - Pi ri cô ti.
 107 - Si va pi cha da.
 108 - Pát cha ra, ma ly ty.

- 109 - Pi sê ru ta.
 110 - Pút tang mang ca.
 111 - Pát cha ra, chi hô na a cha.
 112 - Ma ra chi ba, pát ra chi ta.
 113 - Pat cha ra sin chi.
 114 - Pi sê ra cha.
 115 - Sin ta sê, bê đê va, pu si ta.
 116 - Su ma ru pa.
 117 - Ma ha suê ta.
 118 - A ri da ta ra.
 119 - Ma ha ba ra, a pát ra.
 120 - Pát cha ra, xương khít ra chê ba.
 121 - Pát cha ra, cu ma ri.
 122 - Cu lam ta ri.
 123 - Pát cha ra, hốt sát ta cha.
 124 - Pi ti da khin chê na, ma ri ca.

- 125 - Quát su mu, ba khít ra ta na.
 126 - Vê rô cha na, cu ri da.
 127 - Da ra thâu, si ni sam.
 128 - Pi chi lam ba ma ni cha.
 129 - Pát cha ra, ca na, ca pa ra ba.
 130 - Rô cha na, pát cha ra, tân chi
 cha.
 131 - Suê ta cha, ca ma ra.
 132 - Sát sa si, pa ra ba.
 133 - Ê tê di tê.
 134 - Mu ta ra, kít na.
 135 - Sô bê ra sam.
 136 - Quát pham tu.
 137 - In thâu na, ma ma sê.
 -II-
 138 - U hum,

- 139 - Ry si kít na.
 140 - Pa ra, sê si ta.
 141 - Sát tát tha, ga tu si ni sam.
 142 - Hu hum,
 143 - Tu ru ung,
 144 - Chim ba na.
 145 - Hu hum,
 146 - Tu ru ung,
 147 - Si đam ba na.
 148 - Hu hum,
 149 - Tu ru ung,
 150 - Pa ra si đi da, sam pát soa, na
 khít ra.
 151 - Hu hum,
 152 - Tu ru ung,
 153 - Sát va dác sa, hát ra sát sa.

- 154 - Gớ ra ha nha cha.
 155 - Pi tang pang sát, na khít ra.
 156 - Hu hum,
 157 - Tu ru ung,
 158 - Chê tu ra, si ti nam.
 159 - Gớ ra ha, sa ha sát ra nam.
 160 - Pi tang pang sát na ra.
 161 - Hu hum,
 162 - Tu ru ung,
 163 - Ra soa,
 164 - Ba ga va.
 165 - Sát tát tha, ga tu si ni sam.
 166 - Pa ra tim, cha kít ri.
 167 - Ma ha, sô ha sát ra.
 168 - Bút su sa, ha sát ra, si ri sa.
 169 - Cô ti, sô ha sát ni, ti lê.

- 170 - A pi đi si, ba ri ta.
- 171 - Cha cha ang ca.
- 172 - Ma ha pát cha ru ta ra.
- 173 - Ti ri bô ba na.
- 174 - Man ta ra.
- 175 - U hum,
- 176 - Sa si ti, bô ba tu.
- 177 - Ma ma,
- 178 - In thâu na, ma ma sê.

-III-

- 179 - Ra cha ba da.
- 180 - Chu ra pát da.
- 181 - A chi ni ba da.
- 182 - U đa ca ba da.
- 183 - Pi sa ba da.
- 184 - Sê sát ta ra ba da.

- 185 - Ba ra chước khiết ra ba da.
- 186 - Tát sít soa ba da.
- 187 - A sê ni ba da.
- 188 - A ca ra mớ ri chu ba da.
- 189 - Đa ra ni, pu mi kim, ba ga va ta
ba da.
- 190 - U ra ca, ba đa ba da.
- 191 - Rát cha than đa ba da.
- 192 - Na ga ba da.
- 193 - Pi thiêu tát ba da.
- 194 - Sô pa ra na ba da.
- 195 - Dác soa gớ ra ha.
- 196 - Ra soa si gớ ra ha.
- 197 - Pê ri ta gớ ra ha.
- 198 - Pi sa cha gớ ra ha.
- 199 - Pu ta gớ ra ha.

- 200 - Cu ban đa gớ ra ha.
 201 - Pu tan na gớ ra ha.
 202 - Ca cha pu tan na gớ ra ha.
 203 - Si kin tu gớ ra ha.
 204 - A pa si ma ra gớ ra ha.
 205 - U than ma ta gớ ra ha.
 206 - Sa da gớ ra ha.
 207 - Hê ri ba ti gớ ra ha.
 208 - Sê ta ha ri nam.
 209 - Khít ba ha ri nam.
 210 - Ru ti ra ha ri nam.
 211 - Mang sa ha ri nam.
 212 - Mê ta ha ri nam.
 213 - Ma cha ha ri nam.
 214 - Cha ta ha ri nu.
 215 - Si pi ta ha ri nam.

- 216 - Pi ta ha ri nam.
 217 - Ba đa ha ri nam.
 218 - A su cha ha ri nu.
 219 - Chít ta ha ri nu.
 220 - Ti sam sát bi sam.
 221 - Sát va gớ ra ha nam.
 222 - Pi đa da cha, san đa da mi
 223 - Kê ra da mi,
 224 - Pa ri pát ra chê ca, cát ri tam.
 225 - Pi đa da cha, san đa da mi
 226 - Kê ra da mi,
 227 - Đa din ni, cát ri tam.
 228 - Pi đa da cha, san đa da mi
 229 - Kê ra da mi,
 230 - Ma ha pát su pát tát da,
 231 - Ru đa ra, cát ri tam.

- 232 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 233 - Kê ra da mi,
 234 - Na ra da na, cát ri tam.
 235 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 236 - Kê ra da mi,
 237 - Tát toa ga ru ãa si, cát ri tam.
 238 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 239 - Kê ra da mi,
 240 - Ma ha ca ra, ma tát ri ga na, cát ri tam.
 241 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 242 - Kê ra da mi,
 243 - Ca pa ri ca, cát ri tam.
 244 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 245 - Kê ra da mi,
 246 - Cha da khít ra, ma tu khít ra.

- 247 - Sát va ra tha sa tát na, cát ri tam.
 248 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 249 - Kê ra da mi,
 250 - Chư chát ra, ba ky ni, cát ri tam.
 251 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 252 - Kê ra da mi,
 253 - Pi ri dang cát ri chi
 254 - Nan ãa kê sa ra, ga na phun ti.
 255 - Sát hê da, cát ri tam.
 256 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 257 - Kê ra da mi
 258 - Na khít na sa ra ba na, cát ri tam.
 259 - Pi ãa da cha, san ãa da mi
 260 - Kê ra da mi,
 261 - A ra han, cát ri tam, pi ãa da cha, san ãa da mi,

- 262 - Kê ra da mi,
 263 - Pi ta ra ga, cát ri tam.
 264 - Pi đa da cha, san đa da mi
 265 - Kê ra da mi, pát cha ra pa mi,
 266 - Cu hê da cu hê da,
 267 - Ca đi pát ti cát ri tam.
 268 - Pi đa da cha, san đa da mi
 269 - Kê ra da mi,
 270 - Ra soa mang,
 271 - Ba ga va,
 272 - In thâu na ma ma sê.

-IV-

- 273 - Ba ga va,
 274 - Si ta ta, pa tơ ra.
 275 - Nam mô suy tu tê.
 276 - A si ta na ra chi ca.

- 277 - Pa ra va, si phu cha.
 278 - Pi ca sát tát ta pát ti ri.
 279 - Sập phật ra sập phật ra,
 280 - Đa ra đa ra,
 281 - Văn đa ra, văn đa ra, san đa san
 đa.
 282 - Hu hum,
 283 - Hu hum.
 284 - Phun cha,
 285 - Phun cha, phun cha, phun cha,
 phun cha.
 286 - Sô ha,
 287 - Hê hê phun.
 288 - A mâu ca da phun.
 289 - A pa ra đê ha ta phun.
 290 - Ba ra pa ra ta phun.
 291 - A sô ra, pi ta ra, pa ca phun.

- 292 - Sát va đê bê pi phun.
 293 - Sát va na ga pi phun.
 294 - Sát va dác sa pi phun.
 295 - Sát va gan đa va pi phun.
 296 - Sát va pu ta na pi phun.
 297 - Ca cha pu ta na pi phun.
 298 - Sát va tát lang chi ti pi phun.
 299 - Sát va tát sít pi lây, cát si ti pi phun.
 300 - Sát va sấp ba lay pi phun.
 301 - Sát va a pa si mô lay pi phun.
 302 - Sát va sê ra ba na pi phun.
 303 - Sát va ti tê kê pi phun.
 304 - Sát va tát ma ta ky pi phun.
 305 - Sát va pi ta da ra si cha lây pi phun.
 306 - Cha da khít ra, ma tu khít ra,

- 307 - Sát va ra tha sa đa kê pi phun.
 308 - Pi ti da cha lây pi phun.
 309 - Chê tu ra, phác ky ni pi phun.
 310 - Pát cha ra, cu ma ri,
 311 - Pi ta da, ra si pi phun.
 312 - Ma ha pa ra tinh dang, soa ky ri pi phun.
 313 - Pát cha ra sang khít ra da,
 314 - Pa ra chang ky ra cha da phun.
 315 - Ma ha ca ra da,
 316 - Ma ha mút tát ri ca na,
 317 - Nam mô sa khít ri ta da phun.
 318 - Pi si na phi dây phun.
 319 - Pu ra ha mâu ni dây phun.
 320 - A ky ni dây phun.
 321 - Ma ha khít ri dây phun.

- 322 - Khít ra than chi dây phun.
 323 - Mít tát ri dây phun.
 324 - Ru tát ri dây phun.
 325 - Cha man đa dây phun.
 326 - Khít la ra tát ri dây phun.
 327 - Ca phun ri dây phun.
 328 - A ti mu chít ta, ca si ma sa na,
 329 - Ba su ni dây phun.
 330 - Din kít chít,
 331 - Sát tô va sê,
 332 - Ma ma in thâu na ma ma sê.

-V-

- 333 - Tát si cha chít ta.
 334 - A mút tát ri chít ta.
 335 - U cha ha ra.
 336 - Ga ba ha ra.

- 337 - Rô ti ra ha ra.
 338 - Ba sa ha ra.
 339 - Ma cha ha ra.
 340 - Cha ta ha ra.
 341 - Si pi ta ha ra.
 342 - Pát lác da ha ra.
 343 - Khin ta ha ra.
 344 - Pu sử pa ha ra.
 345 - Phô ra ha ra.
 346 - Ba sê ha ra.
 347 - Pún pa chít ta.
 348 - Tát si cha chít ta.
 349 - Lu ta ra chít ta.
 350 - Dác sa gơ ra ha.
 351 - Ra sát sa gơ ra ha.
 352 - Pay lê ta gơ ra ha.

- 353 - Pi sa cha gớ ra ha.
 354 - Pu ta gớ ra ha.
 355 - Cu ban đa gớ ra ha.
 356 - Si khin ta gớ ra ha.
 357 - U tát ma ta gớ ra ha.
 358 - Sê dê gớ ra ha.
 359 - A pa sát ma ra gớ ra ha.
 360 - Chác khu cát, đa ky ni gớ ra ha.
 361 - Ri pút ti gớ ra ha.
 362 - Cha mi ca gớ ra ha.
 363 - Sa cu ni gớ ra ha.
 364 - Mu ta ra, nan ti ca gớ ra ha.
 365 - A lam ba gớ ra ha.
 366 - Khin tu pa ni gớ ra ha.
 367 - Sập phạt ra, in ca hê ca.
 368 - Chuy ti dác ca.

- 369 - Tát lê ti dác ca.
 370 - Chê tát thác ca.
 371 - Ni dê sập phạt ra, pi sam ma sập phạt ra.
 372 - Pô ti ca,
 373 - Pi ti ca,
 374 - Sít lê si mi ca.
 375 - Sa ni pun ti ca.
 376 - Sát va sập phạt ra.
 377 - Sít ru kít tê.
 378 - Mút đa bi tát ru chê kim.
 379 - A y ru khim.
 380 - Mu khu ru khim.
 381 - Khít ri tát ru khim.
 382 - Khít ra ha, khít lam.
 383 - Khít na su lam.

- 384 - Tan ta su lam.
 385 - Ngát ri da su lam.
 386 - Mát ma su lam.
 387 - Pát ri si ba su lam.
 388 - Pi lát si cha su lam.
 389 - U ta ra su lam.
 390 - Khít chi su lam.
 391 - Pát si ti su lam.
 392 - U ru su lam.
 393 - Sang ca su lam.
 394 - Hát si ta su lam.
 395 - Pát ta su lam.
 396 - Sa phang ang ca pát ra, chang
 kha su lam.
 397 - Pu ta bi ta da.
 398 - Đa ky ni sắp ba ra.

- 399 - Ta tát ru ca, kin chát ru kít chi,
 ba lu ta pi.
 400 - Sát pát ru ha lang ca.
 401 - Su sa tát ra, sa na khít ra.
 402 - Pi sa du ca.
 403 - A ky ni, u ta ca.
 404 - Mát ra bê ra, kin ta ra.
 405 - A ca ra, mít ri chát, than lim pu
 ca.
 406 - Ti lát chi cha.
 407 - Pi ri sít chít ca.
 408 - Sát va na khu ra.
 409 - Si dan ga pi, khít ra ri dác sa, tát
 ra sô.
 410 - Mát ra si, phê ti sam sa bê sam.
 411 - Si ta ta, pa tư ra.
 412 - Ma ha pát cha ru, sít ni sam.

- 413 - Ma ha pa ra chang ky lam.
 414 - Da pa tát đa sa du cha na.
 415 - Pin tan ly na.
 416 - Pi đa da, ban đām ca ru mi.
 417 - Ti su, ban đām ca ru mi.
 418 - Pát ra pi đa, ban đām ca ru mi.
 419 - Ta đya tha.
 420 - A ôm,
 421 - A na lê,
 422 - Bi su đê,
 423 - Bê ra, pát cha ra, đa ri.
 424 - Pun đa pun đa ni,
 425 - Pát cha ra pang ni phun.
 426 - Hu hum tu ru ung phun,
 427 - Sô va ha.

(Âm Việt Nam theo bản tiếng sanscrit (*chữ Phạn*). Sư cụ Tuệ Nhuận xuất bản ở Hà Nội năm 1949).

3- Công đức thần chú:

Anan, những câu nhiệm mầu, những bài kệ bí mật Phật đỉnh quang tụ Tát đát đa bát đát ra xuất sanh mười phương chư Phật. Mười phương Như Lai nhân chú tâm này, thành vô thượng chánh biến tri giác. Mười phương Như Lai nắm chú tâm này uốn dẹp các ma, chế phục ngoại đạo. Mười phương Như Lai vận chú tâm này ngồi hoa sen báu, ứng hiện vi trần cõi nước. Mười phương Như Lai ngậm chú tâm này nơi vi trần cõi chuyển đại pháp luân. Mười phương Như Lai giữ chú tâm này xoa đỉnh thọ ký cho các Bồ-tát. Tự mình quả vị chưa thành, nương chú tâm này sẽ được mười phương Phật thọ ký.

Mười phương Như Lai nương chú tâm này cứu vớt các khổ địa ngục, ngã quỷ, bàng sanh, đui điếc ngọng câm, oán thù gặp gỡ, ân ái biệt ly, cầu bất đắc, năm ấm xí thịnh. Tai nạn lớn nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn giặc, binh, vua, nước, gió, lửa, tù ngục cho đến đói khát bần cùng đều được tiêu tan. Mười phương Như Lai theo chú tâm này ở khắp mười phương phụng sự thiện tri thức, cúng dường như ý. Trong pháp hội hằng sa Như Lai, trì chú tâm này được suy tôn là đại Pháp-vương-tử. Mười phương Như Lai dùng chú tâm này nhiếp thọ thân nhân, khiến hàng tiểu thừa nghe tạng bí mật không sanh kinh sợ. Mười phương Như Lai truyền chú tâm này, sau khi diệt độ, phó chúc pháp sự được cứu cánh trụ trì, nghiêm tịnh giới luật ắt được thanh tịnh.

Nếu ta nói chú Phật đĩnh quang tụ Bát đát ra này từ sáng đến tối, âm thanh nối nhau, chữ câu không trùng điệp, trải qua kiếp số như cát sông Hằng cũng không cùng tận⁽²⁹⁾. Chú này cũng gọi là Như Lai Đĩnh.

Các ông còn hữu học cầu quả A-la-hán, không trì chú này quyết không tránh khỏi ma sự. Anan, viết chép chú này trên vỏ cây, lá bối, giấy trắng, lụa là, đựng trong túi thơm hoặc đeo trên mình, hoặc thờ trong nhà thì trọn đời tất cả các thứ độc không hại được, kiếp kiếp chẳng sanh vào những nơi bần cùng hạ tiện chẳng được vừa ý.

Anan, ta tuyên lại chú này để cứu giúp thế gian thoát khổ sợ hãi, thành tựu trí tuệ xuất thế gian. Sau khi ta diệt độ, đời mạt pháp ai tụng hay dạy người tụng thì những thần chú ác của thiên long quỷ

thần tinh kỳ ma mị đều vô can. Dù chưa được chánh thọ, tất cả trú trở yểm cổ thuốc độc, kim độc, ngân độc và các độc khí vào miệng người ấy đều thành cam lồ. Tất cả ác tinh, ác quỷ thần, không thể khởi ác niệm. Dạ Ca và các ác độc quỷ vương, vì đã lãnh ơn sâu nên thường giữ gìn ủng hộ. Thần chú này có 84.000 na do tha hằng hà sa câu chi chủng tộc Kim Cương Tạng Vương Bồ-tát cùng quyến thuộc ngày đêm theo hầu. Trì chú này dù tâm tán loạn, các ngài vẫn không bỏ. Đối với người Bồ-đề tâm quyết định thì các ngài chuyên thâm xúc tiến để khai sáng thần thức, khiến có thể nhớ lại 84.000 hằng hà sa kiếp. Đời đời không sanh vào các loài ác độc.

Mười phương Như Lai có bao nhiêu công đức đều cho người trì chú. Hằng hà sa kiếp thường cùng chư Phật đồng sanh

một chỗ. Vô lượng công đức nhóm lại như chum ác-xoa. Vì đồng với Phật một chỗ huân tu, nên phá giới trở về thanh tịnh, chưa được giới khiến được giới, không trì trai giới tự thành trai giới, chưa tinh tấn khiến tinh tấn, không trí tuệ khiến có trí tuệ. Dù xưa kia đã phạm cấm giới, sau khi trì chú, bao tội nặng nhẹ nhất thời tiêu diệt. Uống rượu, ăn ngũ tân, các thứ không sạch, tất cả chư Phật, Bồ-tát, Kim Cương, thiên tiên, quỷ thần đều tha thứ. Tất cả hành vi cử động đều được coi như thanh tịnh. Y phục rách nát bản thủ cũng không lỗi. Dù không lập đàn, không vào đạo tràng, không hành đạo mà trì chú này công đức vẫn viên mãn. Ngũ nghịch, vô gián, tứ khí, bát khí, một khi tụng chú này như gió mạnh thổi tan đồng cát. Đọc, tụng, chép thần chú, đeo trên thân, để nơi chỗ ở, tất cả tội chướng nặng

nhẹ từ vô lượng kiếp đều tiêu tan như tuyết gặp nước sôi, chẳng bao lâu sẽ chứng vô sanh nhẫn.

Chí tâm nhớ niệm thần chú hoặc đeo trên mình thì cầu con liền được con trai, con gái phước đức trí tuệ. Cầu sống lâu được sống lâu, cầu quả báo mau viên mãn, mau được viên mãn. Về thân mệnh sắc lực cầu gì cũng được như ý. Mệnh chung tùy nguyện vãng sanh mười phương Tịnh-độ. Chắc chắn không lạc về biên địa hạ tiện, huống nữa là các tạp hình.

Này Anan, viết thần chú này để trên bốn cửa thành, các tháp hay trên nóc nhà; khiến nhân dân kính rước chú này, lễ bái cung kính nhất tâm cúng dường; khiến mỗi người đeo chú trong mình hoặc để nơi chỗ ở; thì tất cả các nạn đói

kém, bệnh dịch đao binh... tất cả các thứ tai ách thủy đều tiêu tan.

Này Anan, nơi nào có thần chú này, thiên long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui, đêm ngày ngủ yên không ác mộng. Cõi Ta Bà có 84.000 ác tinh, 28 đại ác tinh làm thượng thủ, đứng chủ là 8 đại ác tinh, xuất hiện nhiều hình trạng, gây ra các tai nạn dị kỳ. Chỗ nào có thần chú này, nội trong 12 do tuần, không còn những tai biến hung dữ ấy.

Vậy nên Như Lai truyền dạy chú này để bảo vệ vị lai các hàng sơ học vào chánh định được thân tâm thư thái an ổn. Những oan khiên đời trước, nghiệp cũ nợ xưa không còn khuấy hại. Anan cùng hàng hữu học, những kẻ tu hành vị lai, y pháp lập đàn tràng, giới sư giới tử thanh tịnh, đối với chú tâm này không nghi hối,

nếu chính nơi thân cha mẹ sanh ra không được tâm thông, thì 10 phương Như Lai đều là vọng ngữ.

4- Kim Cương thiện thần phát nguyện bảo hộ:

Vô lượng trăm ngàn Kim Cương chấp tay đánh lễ bạch rằng: “Như lời Phật dạy, chúng con thành tâm bảo hộ những người tu đạo Bồ-đề”.

Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng đồng thời đánh lễ bạch rằng: “Chúng con hết lòng chí thành bảo hộ người tu học khiến một đời được như nguyện”.

Vô lượng đại tướng Dược-xoa, các vua La-sát, Phú-đơn-na, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-già, quý vương, quý soái đồng chấp tay đánh lễ bạch rằng: “Chúng con thề nguyện hộ trì người tu khiến tâm Bồ-đề mau được viên mãn”.

Vô lượng Nhật thiên tử, Nguyệt thiên tử, Thần gió, Thần mưa, Thần mây, Thần sấm sét, Thần điện chớp, cùng các Thần coi về năm tháng, các tinh sao và quyền thuộc v.v... đánh lễ bạch rằng: “Chúng con bảo hộ người tu hành ở trong đạo tràng được không sợ hãi”.

Vô lượng Thần núi, Thần biển, tất cả linh kỳ đất đai muôn vật, thủy lục không hành, Phong thần vương và chư thiên vô-sắc giới đồng thời cúi đầu bạch rằng: “Chúng con bảo hộ người tu hành không còn ma sự sớm thành Bồ-đề”.

84.000 na do tha hằng hà sa câu chi Kim Cang Tạng Vương Bồ-tát đánh lễ bạch rằng: “Thế Tôn, chúng con thành đạo Bồ-đề đã lâu, không nhập Niết-bàn, thường theo chú này cứu giúp những bậc chân chánh tu Tam-ma-đề trong đời mạt pháp. Bạch Thế Tôn, những vị này dù ở

trong đạo tràng kinh hành hay tán tâm đi trong làng xóm, quyến thuộc chúng con thường theo hộ vệ. Ma vương, Đại Tự Tại Thiên, muốn dùng phương tiện khuấy phá, chúng con dùng chày báu đập nát đầu họ như vi trần. Các quỷ thần nhỏ phải ở xa bậc thiện lành ấy mười do tuần, trừ khi họ phát tâm ủng hộ.”

----CHÚ THÍCH----

(1) Giới đàn dật với Thế 3 x 4 = 12. Nhân luôn 3 lớp 12 x 10 x 10 = 1.200. Tổng quát trước sau mỗi căn có 1.200 công năng.

Ngẫu Ích đại sư dạy: 3 đời x 4 phương = 12. Mỗi Thế có đủ mười pháp giới nên 12 x 10 = 120. Mỗi Giới cũng có đủ mười pháp giới: 120 x 10 = 1.200.

Trang 137

Phát tâm Bồ-đề, nơi Bồ-tát thừa sanh đại dũng mãnh, quyết định rời bỏ các tướng hữu vi, cần xét rõ cội gốc phiền não. *Vô minh phát nghiệp* như ăn cắp thì phải làm trâu kéo cày trả nợ. Sát sanh thì phải đền mạng, chịu quả báo nhiều đời chết non. *Những gì là nhuận sanh?* Phải nhiều duyên hội hợp mới thành chánh báo y báo. Như người ăn cắp kia lại ngu si, không tu giới định tuệ, không thể đi lên cõi trời người. Cũng chẳng ác đến nỗi đọa địa ngục quỷ thú.

Vậy thì sẽ làm bằng sanh. Lại thêm có nghiệp dâm dục, ắt phải thai sanh. Lâm chung, thân trung ấm thấy hai trâu hội hợp, khởi tâm vui theo. Thế là đậu thai, thành con trâu kéo cày trả nợ. Vì cần nhiều nhân duyên nên rất ít có hiện báo. Số đông trải hàng chục, hàng trăm đời mới trả quả.

Từ vô thủy ai làm ai chịu? Pháp quán để phá tan vô minh từ lịch kiếp. Ai ăn cắp? Da thịt xương là đất, máu là nước, đi lại nói cười là gió, hơi ấm là lửa. Vậy thứ nào ăn cắp? Tâm ăn cắp bây giờ đứng đâu? Con trâu cũng thế. Đất nước gió lửa, thứ nào là trâu? Cả nhân lẫn quả đều hư vọng. Quan sát thật kỹ, giải thoát ngã chấp, được nhân-không liền chứng A-la-hán, ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. Tổ Đạt Ma bảo Huệ Khả đưa tâm ra đây ta an cho. Tổ đệ tam hỏi Tăng Xán: Ai trói buộc người mà nay cầu giải thoát? Tổ Anan nghe xong phần Samatha, mừng rằng: Tiêu ngã ức kiếp diên đảo tưởng. Ngay đây mà tỉnh ra tức là chân thật biết diên đảo để hàng phục mà giữ vững ngôi Như Lai.

Anan, tu đạo Bồ-đề, không biết căn trần hư vọng diên đảo chỗ nào, làm sao uốn đẹp. Diên đảo có gốc có ngọn. Gốc gọi là sanh tướng vô minh. Phần Samatha đã dạy: Chân trí diệu minh bản hữu bị vô

minh lực chuyển thành kiến phần. Rồi chia ra 6 dụng: thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết. Cành ngọn gọi là chi mạng vô minh, tức ở đây, căn trần thức khai nguồn ba độc tham sân si. Đầu kinh đã đích chỉ vọng thức phan duyên là căn bản sanh tử. Sau đây mười phương Phật cùng tuyên bố: Đầu mối lưu chuyển chính từ sáu căn không chi khác.

Không thấy chỗ thắt làm sao cởi nút? Chỗ thắt chính là chỗ căn gặp trần, thủ chấp thật chặt. Ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc, ta biết. Những cảnh hàng ngày thuận nghịch rõ ràng. Khổ vui yêu ghét, mấy ai chịu cởi gỡ những cái nút này? Đầu kinh Phật đã tuyên bố gốc lưu chuyển là ở Tâm và Mắt. Quốc vương muốn hưởng thái bình phải biết giặc ở đâu mà trừ.

Không hề nghe nói hư không bị phá vì hư không không hình tướng nên không thắt cởi. Bài trước ví chân tâm với hư không vì hư không không sanh diệt. Nay dùng thí dụ không thắt cởi. Thật vậy đã là chân không thì đâu có những phiền não sanh sanh diệt diệt. Cần tỉnh ra, rũ sạch vạ duyên nhất tâm niệm Phật. Đừng vướng những vọng tưởng, vọng tình, vọng tập, nhận làm tâm tánh mình. Nhất tâm niệm Phật, một bề sống với tánh Vô Lượng Thọ Quang thì tịch

thường chân tánh an nhiên hiện rõ. Trần tướng thể gian như hoa đốm ở hư không làm sao ảnh hưởng đến mình. Cửa báu trong nhà đó làm sao không trân trọng giữ gìn.

Từ vô thủy vơ bốn đại kết thành sáu căn, chấp làm thân ta, vọng sanh trói buộc. Như tầm kéo kén, niệm niệm khinh khít đan dệt kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước.

Dem tâm quảng đại cuộc trong đất nước gió lửa. Tự chôn vùi trong năm ấm như chim trong lồng. Bốn đức thường lạc ngã tịnh hoàn toàn trở thành cuộc sống vô thường, vô ngã, khổ, không, bất tịnh.

Hiện nay sáu thứ mắt tai mũi lưỡi thân ý đang làm mai mối cho giặc, tự cướp gia bảo trong nhà. Ông vẫn mê muội thấy hư không, kết ám để cho thế giới chúng sanh nghiệp quả tiếp nối. Năm ấm sắc thọ tưởng hành thức ngày đêm đan dệt vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh. Nếu quyết định tìm trần bảo của mình, thì ngay bây giờ, ngay tại đây, học chánh pháp, hành chánh pháp, sống theo chánh pháp, truyền bá chánh pháp. Bậc thượng sĩ một phen quyết định là hết thấy phải xong. Kiến hoặc, tư hoặc, 5 cái, 10 triền v.v... diệt sạch. Tâm chứa như ý châu, lợi vật

ứng cơ thật rộng rãi. Sắc thanh không quản ngại là tới pháp vương thành.



Nhuận sanh: Trì 5 giới: Có phước đức trí tuệ nên được ở cõi trên. Nghiệp dâm dục đưa vào bào thai. Tướng mạo tươi đẹp vì đã tu đức hoan hỷ. Bá thí được giàu có. Cao sang là quả đức nhẫn nhục. Nhiều duyên nghiệp hoàn thành một con người.

Điền đảo: Từ sáu căn chiếu ra sáu trần. Ý thức cho là ngoại cảnh, khởi tham sân khiến hằng sa tánh đức ẩn mất. Nghiệp thức phát lao hiện toàn khổ quả.

(2) a) Hợp: Cái biết ở mũi, lưỡi, thân đòi điều kiện xúc chạm với vật mới phát hiện. **Ly:** mắt, tai, ý, dù vật ở xa vẫn biết nên dễ thực hiện. Đức Bồ Sư khuyên lựa ra những căn hợp và chọn lấy những căn ly.

b) Được ba căn dễ tu rồi. Nay lại xét: Ý thức quá sâu khó hàng phục nên lọc bỏ ý căn. Nhãn thức, nhĩ thức dần dần dễ phục nên chọn nhãn căn và nhĩ căn.

c) Còn lại hai căn dễ tu. Nay xét nhãn căn chỉ có 800 công năng nên lọc bỏ. Còn nhĩ căn đủ 1.200 công năng, đích là căn viên thông. Đức Thích Ca đã chỉ cho chúng ta phương pháp chọn lọc. Bồ-tát Quán Thế Âm trình bày kinh nghiệm bản thân để đại chúng trong hội

thêm vững lòng tin.

(3) Thân tâm thông lợi: Vô tác diệu giới. Không thấy có giới phải trì mà nhậm vận không bao giờ phạm.

(4) Tay cầm bốn hạt châu báu lớn: Đã lấy Không-tánh làm thân thì hấn cũng dùng Không-tuệ làm tay. Trí chiếu bốn đại là không.

Mười phương cõi Phật đều hóa thành hư không: Đây chẳng phải là không của đoạn diệt. Chỉ không các vọng tưởng. Vọng tận thì chân thuần. Chân không diệu trí soi chiếu chân không diệu lý, chứng Pháp Thân đức.

Trí Đại Viên Kính: là tổng tướng. Lại hiện mười biệt trí, không một thế giới nào không ở trong trí quang. Toàn sự tức lý mà thành lý sự vô ngại pháp giới, chứng Bát Nhã đức.

Rộng làm việc Phật được đại tùy thuận: Thân nhập cõi, cõi nhập thân. Y báo, chánh báo thiệp nhập lẫn nhau. Đây là nghiệp dụng không thể nghĩ bàn của sự sự vô ngại pháp giới, chứng Giải Thoát đức.

(5) Người đang khi chiêm bao vẫn chấp các cảnh ấy thật có và ở ngoài tâm. Thức giác rồi mới biết là không thật.

Thành Duy Thức Luận:

a) Tánh y tha khởi: Ngoại cảnh tuy không nhưng nội thức lại có. Ngoại cảnh y nội thức mà sanh (y tha khởi). Nếu không nội thức thì ngoại cảnh chẳng có. Trong thế gian núi, sông, người, vật v.v... không một cảnh nào chẳng y nội thức biến.

b) Tánh biến kế sở chấp: (vọng chấp). Các cảnh vật đều từ nội thức biến mà trở lại điên đảo chấp là thật có và ở ngoài tâm.

c) Tánh viên thành thật: Nhận định đúng với lẽ thật. Như người khi đã thức tỉnh biết rõ ràng cảnh chiêm bao là giả, không bận lòng nữa. Tu theo Duy Thức dùng ba tánh này quan sát các pháp chân vọng. Người đời trong đêm dài sanh tử mê man trong đại mộng. Quốc gia, gia đình, tài sản v.v... đều chấp là thật có. Học Duy Thức là cầu tỉnh mộng, dùng đủ phương tiện để tự chứng minh muôn vật đều duy thức biến hiện. Khi tỉnh được, biết vạn vật chỉ do tâm biến hiện (y tha khởi). Trừ bỏ được biến kế sở chấp sẽ hiểu biết đúng sự thật (viên thành thật).

Thí dụ: Nhìn thấy con rắn bò bên đường, sợ hãi bỏ chạy. Đến khi hoàn hồn nhìn lại mới biết không phải rắn mà chỉ là sợi dây bện bằng gai.

Thấy rắn: Biến kế sở chấp.

Nhận ra sợi dây làm bằng gai: Y tha khởi.

Chính sợi gai cũng tuần nghiệp giả hiện, duy thức biến. Tỉnh ra thì người và vật đều là Như Lai Tạng diệu chân như tánh.

Thấy rõ sự thật rồi, không sợ hãi nữa, vĩnh viễn an lòng: Viên thành thật.

(6) Danh hiệu **Quán Thế Âm** nêu tỏ hai đức tự lợi và lợi tha nhưng cảnh sở quán thì không đồng.

Y cứ theo kinh Pháp Hoa, Phật dạy: “Bởi vì quan sát âm thanh của thế gian để cứu khổ cho nên gọi là Quán Thế Âm”. Cảnh sở quán ở đây là âm thanh thế gian (quả môn nêu tỏ thịnh đức lợi tha).

Y cứ theo kinh Lăng Nghiêm, Bồ-tát tự nói: “Do con quan sát mười phương viên minh nên Quán Thế Âm danh vang khắp mười phương thế giới”. Cảnh sở quán ở đây là tánh nghe (nhân môn để nêu rõ chỗ thâm sâu của tự lợi).

Hai kinh ẩn hiển lẫn nhau để nêu rõ chỗ viên diệu của danh hiệu.

Có người gọi là Quan Thế Âm. Nhưng chữ Quan nghĩa là xem, dùng con mắt để thấu nạp sắc tướng, dùng cái tai để thấu nạp âm thanh. Ở đây phải dùng chữ Quán nghĩa là quan sát để hiểu rõ, không phải để đạt ý nghĩa âm thanh mà phải đạt lý tánh của tánh nghe.

Hỏi: Sao không gọi là Quán nhĩ căn? *Xin thưa:* Quán nhĩ căn chỉ nêu rõ phần tự lợi. Còn chữ Quán Thế Âm nêu cả hai phần tự lợi, lợi tha. Vì cảnh sở quán tuy khác mà pháp năng lợi lại đồng.

Pháp môn phản văn thật đặc biệt thù thắng. Danh hiệu Quán Thế Âm là giáo pháp đầu cơ có một không hai.

Quảng trăn: Rộng bày. Rộng bày chỗ tận diệu để khuyến tu.

Vừa mở lời Bồ-tát đã nói ngay pháp môn phản văn là do Quán Thế Âm Như Lai truyền trao, để nhắc hàng hậu học nhớ rằng pháp giải thoát không thể tự sáng tạo mà phải nương bậc Thầy có tu có chứng.

Tu hành không vâng theo Thánh giáo, cứ rong rờ theo ý mình, hoặc nương theo tà sư thì lỗi lầm đến vô lượng.

Cho nên giới luật phải nghiêm tịnh như băng sương. Tự xét còn tội chướng phải sám hối cho đến khi thấy thoái ứng.

Phát tâm tu phản văn theo đức Quán Thế Âm **trước hết phải phát đại đạo tâm.** Tâm Bồ-đề gồm có ba: Thiện tâm, bi tâm và trực tâm. Khởi Tín Luận: “Thiện tâm là rộng làm các việc lành, đình chỉ các việc ác. Bi tâm là rộng độ chúng sanh. Trực tâm là chánh

niệm chân như”. Phối về bốn hồng nguyện thì phiền não vô tận thể nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thể nguyện học là thiện tâm. Chúng sanh vô biên thể nguyện độ là bi tâm. Phật đạo vô thượng thể nguyện thành là trực tâm.

Ước về chỗ hồi hướng thì Lăng Nghiêm hướng về tánh tu; Luận Khởi Tín hướng về chân như; bốn hồng thể nguyện hướng về Phật đạo. Ba danh từ tuy có khác nhưng ý chỉ không hai.

Tâm Bồ-đề rất quý trọng như vương tử khi còn ở trong thai đã cao sang hơn tất cả quần thần. Tâm Bồ-đề mới khai phát thì chư Phật đã hộ niệm, vạn Thánh đã gia trì. 100 thí dụ trong kinh Hoa Nghiêm chưa nói hết thịnh đức của tâm Bồ-đề. Ai quên tâm Bồ-đề mà tu các công hạnh liền bị ma nhiếp trì. Không phát tâm Bồ-đề mà tu các công hạnh cũng như cày bừa không gieo giống, không bao giờ thành Phật.

Bắt buộc kẻ sơ cơ khi hạ thủ công phu tu pháp văn phải đầy đủ ba tuệ. Ước theo nghĩa thông thường thì:

Văn tuệ: Theo nghĩa thông thường là học rộng nghe nhiều. Thể của đa văn là nhĩ thức câu ý thức phân biệt hiểu rõ. Ở đây thể của văn tuệ là văn tánh, trí lý như như vô phân biệt.

Tư tuệ: Theo nghĩa thông thường là suy đi xét lại một vấn đề. Ở đây tư tuệ là một mục phản văn, ngoài thoát thanh trần, trong thâm hợp với lý trí, không bị nghĩa có nghĩa không lời cuốn.

Tu tuệ: Theo nghĩa thông thường là thực hành giáo lý. Tu tuệ ở đây là phải đạt được vạn hạnh cùng thiền quán không trái nhau. Khắc nhỏ vung tay không lúc nào không định, hướng chi trong lúc thực hành các thiện hạnh.

Phát tâm Bồ-đề: Nguyện.

Giải kết: Y nguyện khởi hạnh.

Ban sơ ở trong tánh nghe: Văn tánh là lý cảnh sở chiếu, là diệu lý bản giác ở trong căn. Khởi diệu trí thủy giác như huyễn, đem trí chiếu lý là văn huân văn tu. Ba chữ “trong tánh nghe” cần phải phân minh, tâm nhân địa không thể lầm lẫn:

- a) Không phải tai thính.
- b) Chẳng phải nhĩ thức.
- c) Chẳng phải ý thức.

Khi Anan thỉnh pháp, Phật luôn ba phen phá thức, mười phen hiển thấy, muốn Anan nắm lấy cái Thấy mà dùng. “Trong tánh nghe” tức là cái Thấy mà Phật đã mười lần nói. Về sau hội bốn khoa, dung bảy

đại để hiển ba Như Lai Tạng cũng chỉ là bàn về tánh này. Nếu có thể nơi đây nghiệm xét phân minh nhân tu căn bản thì mới có thể viên thành quả địa.

Nhập lưu vong sở: Quán Âm Như Lai dạy từ văn, tư, tu vào Tam-ma-địa. Quán Thế Âm Bồ-tát vâng lời hạ thủ công phu tức là văn tuệ. Từ đây trở đi gồm cả tư tuệ và tu tuệ cho đến khi nhập chánh định. Nhĩ căn thuận dòng chạy theo âm thanh là gốc trói buộc. Phản văn nhập lưu chiếu tánh tức là gốc giải thoát. Cho nên chư Phật khác miệng đồng lời bảo Anan: “Luân hồi sanh tử, giải thoát Niết-bàn gốc đều ở sáu căn”. Bồ-tát tu pháp môn này chính hợp với ý chỉ của Phật Thích Ca và mười phương Phật.

Nhập lưu: Năng nhập là quán-trí. Sở nhập là nhĩ môn. Nhập tức là xoay máy nghe lại chiếu tánh, không xuất lưu duyên âm thanh. Tức là ngược lại với dòng nghiệp vọng đan dệt từ vô thủy. Tùy thuận dòng Thánh là văn tánh ở nhĩ căn. Nhập lưu tức là tư tuệ kiêm tu tuệ, dùng quán trí mà tư duy (không phải thức tâm phân biệt tư duy). *Người nghe âm thanh là ai? Hễ hơi có tiếng động liền tham câu này.* Miên miên mật mật không gián đoạn. *Khi hết âm thanh lại hỏi nghe tĩnh là ai? Tông môn tham khán thoại đầu dùng ý căn, đây dùng nhĩ căn.* Nhưng đồng ở chỗ trí-quang nội chiếu. Phật dạy chỉ có việc dùng theo động tĩnh các trần,

thoát niệm để nội phục, quay trở về chân nguyên. Như thế trí-quang không rọi ra ngoài. Không cần vong trần mà trần vẫn vong.

Nhập lưu: Hợp giác.

Vong sở: Bội trần.

Bội trần hợp giác là diệu chỉ tu hành của Lăng Nghiêm, rất giản yếu, rất xảo diệu. Vong sở giải kết động của thanh trần là công phu bước đầu. Chẳng phải tiêu diệt âm thanh mà là định lực có công. Nhập lưu là tu chứng viên thông. Động trần diệt rồi tĩnh trần mới hiện. *Từ nay suốt ngày nghe cảnh tĩnh. Tĩnh trần là một kết phải giải trừ.* Vẫn dùng hai tuệ tư và tu. Không duyên tĩnh trần sở văn, *tham cứu người nghe tĩnh trần là ai?* Tĩnh trần là cảnh, tánh nghe là tâm.

Chỗ nhập đã tịch, hai tướng động tĩnh rõ ràng không sanh: Vong sở là giải động trần. Tới đây là giải tĩnh kết. Tĩnh trần là còn ở trong khu vũ của sắc ấm như người sáng mắt ở trong nhà tối. Đến khi chỗ nhập đã tịch tức là cả hai kết động và tĩnh đều giải.

Liễu nhiên không sanh: Động tĩnh hai trần tướng rõ ràng bất khả đắc. Giải xong hai kết động và tĩnh là đã phá xong sắc ấm.

Như thị tiệm tăng, văn sở-văn tận: Hai kết trần đã giải thì kết căn mới hiện. Căn là chỗ tụ cái

nghe. Thêm công phu hành đạo, định lực vào sâu, cần năng văn tùy theo mà giải. Không có người thọ tức là thọ ấm cũng phá. Cần và trần đã tiêu, thức từ đâu sanh? Cho nên tưởng ấm cũng phá. Ở trên Phật đã nói “cần này giải, trước chúng nhân không”, tức ngang nơi đây. Trần vong, cần tận, thức tiêu vào chỗ vô sở y. Ba mối kết này, Phật đã chỉ khi nói “lao kiến phát trần”. Nay ba mối kết phần thô đã giải tức là trần không còn phát mà kiến cũng không còn lao.

Tận văn bất trụ, giác sở-giác không: Đây là giải mối kết giác. Năng-văn sở-văn đều tận, cần trần đều tiêu, sáu dụng không hiện hành. Chỉ mộng mênh một giác. Nếu trụ ở cảnh này thì chỉ được ngã không, không được pháp không, ắt vĩnh viễn đọa vào cái hố sâu vô vi. Nếu không trụ, gia công tiến nữa, vẫn quán văn tánh. Sau khi hoàn toàn thoát cả trần lẫn cần, hiện tiền cảnh sở-giác trừng lặng vô biên. Năng-giác tức là trí chiếu soi cảnh ấy. Cảnh và trí đối nhau, năng sở tồn tại là chướng phải giải.

Giác, sở-giác không:

Hỏi: Giác là trí phần thuộc Bát Nhã. Trí kế lý làm sao cũng không?

Đáp: Nên biết đây là phá pháp chấp. Nếu còn tiếc cái trí này không chịu xả tức là pháp ái (ái trí) trở

thành một kết cần phải giải trừ. Nay giác kết đã giải ắt tri kiến không phát thì vọng mới không nối tiếp.

Không giác cực viên, không sở-không diệt:

Giác kết tuy giải. Năng-không sở-không hiện tại rõ ràng thì không-tánh chưa tròn. Nếu ái tiếc lý không tức là pháp ái (ái lý). Nay tham cứu “Không nương về đâu?” mới viên mãn tánh không.

Không, sở-không diệt: Cũng như cọ gỗ thành lửa, lửa cháy, cả hai cây gỗ cùng tiêu. Kết “Không” gỡ được là phá xong hành ấm. Như trên Phật nói “không-tánh viên minh thành pháp giải thoát”. Đây là tới cảnh câu-không.

Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền: Giải

kết diệt. Hai chữ sanh diệt tổng nêu các mối kết:

- Động diệt thì tĩnh sanh.
- Tĩnh diệt thì cần sanh.
- Cần diệt thì giác sanh.
- Giác diệt thì không sanh.
- Không diệt thì diệt sanh.

Kết diệt không cởi thì hằng trụ ở cảnh câu-không là một tế chướng của viên thông. Bên Thiền nói đầu sào trăm thước, bước thêm bước nữa, gọi là cửa lao nhọc cuối cùng. Vì mối kết này rất khó giải trừ. Một khi giải

được thì thân thấy bản lai diện mục. Cho nên người nhập lưu chiếu tánh thoát được kết diệt đến chỗ không sanh diệt mới là về đến nhà.

Đã diệt: Tức là quán-trí trở về nguồn. Tất cả sanh diệt đã diệt rồi. Kết diệt này tức là ở trên Phật đã nói: “Do ông từ vô thủy tâm tánh cuồng loạn”. Giải xong là năm ấm toàn phá. Cuồng tâm tắt, tắt tức Bồ-đề.

Tịch diệt hiện tiền: Chữ tịch chẳng phải là đối với động mà là từ vô thủy đến nay vẫn không động tĩnh. Diệt chẳng phải đối với sanh mà từ vô thủy đến nay vẫn không sanh diệt. Hư tâm tuyệt đãi, diệu thể cô viên, tức là Như Lai Tạng diệu chân như tánh, cũng tức là nhất thừa tịch diệt tràng địa, chính là chân tâm chúng ta. Phật nói Bồ-tát tới đây là từ Tam-ma-địa được vô sanh nhĩ.

Pháp của cổ Phật Quán Thế Âm cùng với tu chứng giải kết của Thích Ca Mâu Ni Phật không hai không khác. Vào Thủ Lăng Nghiêm tam muội là chúng được Sơ Trụ ở Viên-giáo.

(7) Bồ-tát và chúng sanh thể tuy đồng nhưng dụng lại khác. Chúng sanh thân đầy khổ nạn ngửa lên ai cầu cứu vớt, hy vọng ban vui. Bồ-tát lòng đầy thương xót, cúi xuống bá thí không sợ hãi.

(8) Bồ-tát tánh nghe nội huân, huân khởi trí thủy

giác. Trí quang không soi ra ngoài mà phản văn chiếu tánh. Chiếu triệt bản tâm không động không hoại gọi là **Kim Cang Tam Muội. Vô tác:** Xứng tánh; **diệu lực:** Nhậm vận thành ích. Lực dụng không thể nghĩ bàn: Mười phương ba đời sáu đạo hữu tình đồng hưởng thương xót cứu khổ ban vui.

Công đức vô úy: Đại sĩ có công đức khiến chúng sanh thoát sợ hãi.

(9) Tổng quát cả tám nạn. **Khổ:** Thân bị bức bách. **Não:** Tâm bị bức bách.

Trong chánh văn mỗi đoạn đều có hai phần:

a) Bản tu tự lợi là chúng tánh thể. b) Công dụng lợi tha. Trí quang không quan sát âm thanh bên ngoài mà hoàn toàn chiếu tánh ly trần. Chúng sanh niệm danh hiệu ngài tức là trở về với ngài. Kim cang tam muội văn huân văn tu vô tác diệu lực gia bị nên họ được giải thoát.

(10) **Tri kiến:** Sáu căn. **Quay về:** Bỏ vọng về chân. Trước kia sống với vọng tri vọng kiến nay quay về chân tri chân kiến. Một căn đã về nguồn, sáu căn thành giải thoát.

Thế gian mượn ánh sáng của lửa để thấy. Kiến nghiệp giao báo sẽ có lửa hiện ra. Nay xoay tri kiến trở vào, không còn kiến nghiệp nên thoát nạn lửa. Đây là

tự lợi. Còn lợi tha thì như cây có bóng mát, ai đến gần cũng được mát.

(11) Thế gian muốn nghe phải mượn không khí rung động thành làn sóng âm ba. Cho nên nghiệp nghe giao báo sẽ có nước hiện ra. Nay đã xoay nghe trở về tự tánh, không còn nghiệp nghe nên thoát nạn nước.

Xoay nghe vào: Diệu lực. **Cứu thoát nạn nước:** Đại dụng.

(12) Ý thức vọng tưởng giết hại giới thân tuệ mạng, đáng sợ như la-sát ăn thịt người. Đại sĩ nhập lưu, ngoài không duyên trần, trong không theo căn. Căn trần đã không giao tiếp thì thức tâm phải diệt: **Đoạn diệt vọng tưởng.** Không vọng tưởng, không sát hại tức là hoàn toàn ra khỏi tâm hạnh quỷ thần.

(13) **Huân văn thành văn:** Đại sĩ phản văn, nghe và thanh đều trở về nguồn chân.

a- Do lực Kim Cang tam muội bất động bất hoại nên dao vừa chém vào thân, chính dao bị gãy từng đoạn.

b- Sắc trần là Như Lai Tạng, thân bị chém cũng là Như Lai Tạng, viên dung hòa hợp như dao chém nước, gió thổi ánh sáng. Cả thân và dao đều bình an.

(14) **Văn huân tinh minh:** Sáng khắp pháp giới. Quỷ thần u ám không kham ở bên cạnh ánh sáng.

Chim cú ban ngày không trông thấy, ban đêm lại rất tinh tường. Quỷ La-sát cũng thế. Nhớ niệm Bồ-tát là hướng về ánh sáng. Quỷ thần hoặc sợ lánh hoặc không trông thấy nên không thể làm hại.

(15) **Âm tánh viên tiêu:** Cả động và tĩnh đều hết.

Thấy nghe trở vào: Quán chiếu tánh nghe; không thọ lãnh cả sáu trần: **liạ trần vọng.** Biết vọng thân là huyền, vọng trần đã ly, dùng diệu lực này gia hộ chúng sanh. Khiến người bị nạn mà có thể niệm danh hiệu Bồ-tát, liền có cảm ứng. Gông cùm xiềng xích, tất cả các hình pháp trị tội không thể trói buộc được thân.

(16) **Diệt âm:** Giải thoát thanh trần.

Viên văn: Chúng đầy đủ căn tánh. Trần ngoài không đối đãi, căn viên là quay về nhất tâm cho nên khắp sanh từ lực. Thảm tâm lòng độc đối diện liền chuyển thành từ bi hỷ xả.

(17) **Tham, sân, si:** Góc nhân đọa tam đồ. Tham dâm đọa địa ngục, tâm sân làm ngã quỷ, ngu si lạc bàng sanh. Ba độc này giết hại Pháp-thân tuệ mạng.

Bồ-tát phản văn nhập lưu liạ trần nên có năng lực khiến chúng sanh không bị sắc trần cướp đoạt tinh thần, thoát lửa dâm dục.

Thuần âm không trần: Chuyên nghe diệu tánh, không thọ thanh trần (hai tướng động tĩnh rõ ràng không sanh). Không cần năng đối, không cảnh sở đối, duy thanh tịnh bảo giác một tánh viên dung. Đại sĩ dùng năng lực không đối không ngại này gia hộ những chúng sanh nặng về sân giận phần nộ. Chỉ cần họ thường cung kính tin niệm danh hiệu Quán Thế Âm. Nương gió từ quạt trừ nóng nhiệt, họ thoát độc sân giận oán hại và do đó giải gỡ biết bao quả báo nguy hiểm đáng sợ.

Tiêu trần trở về ánh sáng: Xả vọng trần sở duyên quay về tự tánh bản minh. Kinh văn gọi là thoát niệm để nội phục. Thế giới bên ngoài, thân tâm bên trong đều như ngọc lưu ly sáng rỡ. Bọn hôn độn tánh chướng nương trí lực như vậy của đại sĩ được vĩnh viễn xa lìa si ám.

A-diên-ca: Mất chánh tri kiến, không còn thiện tâm. Tà kiến xí thịnh, không tin nhân quả. Nếu cung kính thường niệm Quán Thế Âm, chánh niệm khứ tà chấp, sẽ không còn si độc. Do đây giải thoát những quả báo khủng khiếp.

(18) Người đời không con có ba điều sợ:

- 1- Về già không người phụng dưỡng.
- 2- Tài sản không người giao phó.

3- Tông đường không người thờ cúng.

Kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn dạy: “Muốn cầu con trai thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát lễ bái cúng dường, sẽ sanh con trai phước đức trí tuệ”. Phổ Môn chỉ phương pháp cầu con trai. Lăng Nghiêm bàn về năng lực của Bồ-tát. Hai kinh hợp lại mà giải thích, nghĩa sẽ toàn vẹn.

Văn cơ tiêu dung: Văn sở-văn tận (giải kết thứ ba).

Trở về văn tánh nhất chân: Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền (giải kết chót). Tức là nhất thừa tịch diệt tràng địa, đức Thích Ca đã nói ở trên.

ThIỆP VÀO THẾ GIẠN, KHÔNG HOẠI THẾ GIỚI: Xứng thể khởi đại dụng. Bồ-tát thân khéo vào vi trần cõi Phật, hiện vô lượng thân thiệp nhập cả ba thế gian (hữu tình thế gian, khí thế gian, chánh giác thế gian).

Từ loại hiện thân mà không hoại tướng thế gian: Ý lý thành sự, từ chân thiệp tục tức là phương tiện trí (quyền trí). Do đây có khả năng cáng đáng các công việc (khả năng của con trai).

Cúng dường Như Lai:

a) *Thân cúng dường:* Phục dịch vất vả được phước báo.

b) *Tâm cúng dường*: Theo Phật học, thay Phật chuyển pháp luân, hằng khéo thuận ý Phật, thỏa mãn bản hoài của Phật. Đây là cầu tuệ.

Con trai phước đức trí tuệ: Có phước thì vừa giàu vừa sang. Có tuệ thì đời sống liêm chính. Có phước không tuệ thì kiến thức thiếu cận tầm thường. Có tuệ không phước thì nghèo cùng không thể lực.

Cầu con gái cũng phải thường cung kính niệm Thánh hiệu lễ bái cúng dường. Bồ-tát đủ bốn diệu đức:

a- Sáu căn viên thông.

b- Lập đại viên kính.

c- Không Như Lai Tạng.

d- Hàm mười phương giới. Đủ bốn khả năng mới có thể thừa thuận thọ lãnh không mất hết thủy pháp môn của mười phương vi trần Như Lai. Thừa thuận, thọ lãnh và bảo trì là đặc tánh của phái nữ.

Có tướng: Có tướng phước đức.

Nhan mạo đoan chính: Có phước, đáng quý.

Tánh nét nhu hòa: Có đức, đáng kính.

(19) Trì một danh hiệu sợ còn thiếu sót.

Đã được viên thông bốn căn, căn tai phát diệu: Minh tỏ lý do một danh hiệu công đức ngang với

hằng hà sa danh hiệu các Bồ-tát khác.

Bốn căn

a- Bốn lợi ích cho cõi Ta Bà. Kinh nói: “Thật do tánh nghe mà vào Tam-ma-đề”.

b- Bốn căn viên thông. Kinh nói: “Đây là vi trần Phật một đường vào cửa Niết-bàn”.

Diệu: Văn tánh y trong căn.

a) Diệu lý không sanh diệt.

b) Diệu trí phản văn chiếu tánh, phá năm ấm, giải sáu kết.

Thân tâm vi diệu hàm dung chu biến pháp giới:

Thân vi diệu: Xứng thể khởi dụng ứng hóa khắp mười phương.

Tâm vi diệu: Ứng hợp mỗi căn cơ không lầm.

Hàm dung: Tâm diệu.

Chu biến: Thân diệu.

Đức Quán Thế Âm một mình độ diệu, vượt 24 Thánh, ngang với sáu mươi hai ức hằng hà sa Pháp-vương-tử. Công đức một mình cân bằng với tất cả Bồ-tát cõi Ta Bà vì nhĩ môn đủ ba thứ chân thật: Viên, Thông,

Thường. Xét đoạn này, ta nhận định chính Bồ-tát đã mật tuyên nhĩ căn là độc tôn trong 25 pháp viên thông. Phật sai Văn Thù lựa chọn là để minh định thêm khiến người học được vững tin.

(20) Kết:

Năng thí: Thân tâm Bồ-tát.

Sở thí: Vô úy lực.

Thọ thí: 14 loại chúng sanh. Tam luân thể không, bá thí không trụ tướng.

Phước đức không thể nghĩ bàn. Như thế mới có thể khắp giúp mười phương ba đời tất cả chúng sanh lìa khổ thọ ích.

(21) Diệu diệu văn tâm:

a- Trí và lý cùng diệu.

b- Tánh của sáu căn diệu. Nhĩ căn là diệu trong diệu.

Tâm tinh thoát căn: Văn sở-văn tận (giải kết ba).

Sáu căn không còn phân cách: Chứng nhân-không.

Thành một viên dung thanh tịnh bảo giác: Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, xong cả sáu kết.

Bảo giác: Chân tâm tùy duyên thành các pháp trong mười giới như châu ma-ni tùy phương hiện sắc. Chân tâm tùy duyên mà thể không biến cũng như châu tùy phương hiện sắc nhưng thể không đổi.

(22) Bởi vì tu căn viên thông so với căn không viên thông, nhanh chóng khác nhau như một ngày với một kiếp. Cho nên Phật sai Văn Thù lựa chọn lọc minh bạch.

(23) Âm thanh là kính-trực thanh. **Ngữ ngôn** là khuất-khúc thanh.

Kính-trực thanh: Tiếng gió, tiếng xe v.v... những loại âm thanh không kích động lòng cuốn tâm ý con người.

Khuất-khúc thanh: Tiếng khen chê, tiếng hát v.v... những loại âm thanh dễ xúc động lòng người.

Tạp ngữ ngôn: Âm thanh dùng vào lời nói.

Ngậm ý vị danh cú: (*danh*: danh từ; *cú*: câu nói). Tuy chỉ cốt hiểu nghĩa lý mà dùng ngôn ngữ. Nhưng dù lý viên mà âm thanh vẫn thiên. Sơ tâm đâu có thể đạt được một lời khắp cai hết thấy nghĩa lý. Y đây tu sợ rất khó vào viên thông.

(24) Vì nhiếp cả sáu căn nên thuộc về kiến đại. Nói tịnh niệm rõ ràng là có khởi niệm. Nói tương tục là

thành một chuỗi sanh diệt. Kiến đại là mật nhân Bồ-đề, chính thể viên thông nên Văn Thù không hề bác bỏ phương pháp tu hành nhiếp cả sáu căn. Chỉ vì lấy niệm sanh diệt cầu chứng viên thông vô sanh bất diệt thì nhân quả trái nhau. Còn những ai dùng niệm Phật làm nhân tu để cầu vắng sanh Tịnh-độ thì nhân quả tương ứng. Các tổ đều nói: vạn người tu vạn người thành công.

(25) a- Đánh lễ tôn pháp. Nhĩ căn tu chứng ba Như Lai Tạng tự tánh thanh tịnh lý thể. Định dụng thuộc sự dụng vô lậu vô vi không thể nghĩ bàn. Đây chính là chân như Pháp-thân toàn thể đại dụng của Như Lai.

b- Đánh lễ Tam-bảo. **Như Lai:** Phật; **Tạng:** Pháp; **Vô Lậu:** A-la-hán; **Bát tư nghi:** Bồ-tát thân dụng khôn lường. A-la-hán và Bồ-tát là Tăng-bảo.

TỔNG Ý BÀI KỆ CỦA VĂN THÙ

Bọt phù âu vốn không mà vọng thành có. Diệt rồi trở về bản gốc là không. Hư không trong biển giác như bọt nổi thì ba cõi trong hư không làm sao bền. Nêu rõ tánh thể hư vọng vô thường để khuyên mau chọn đường quy nguyên.

Bồ-tát vong âm thanh để về văn tánh. Nay khen ngợi công đức lại chỉ nêu toàn diệu dụng của âm mà chẳng nói đến văn. Để thấy rõ Bồ-tát hạnh khác tiểu

thừa, vong trần mà không hoại cảnh.

Thuyết pháp không trệ gọi là Diệu Âm. Tâm thanh cứu khổ là Quán Thế Âm. Âm tánh không vướng mắc là Phạm Âm. Ứng cảm chẳng lỡ thời là Hải Triều Âm. Ba mươi hai ứng thân thuyết pháp, bát tư nghi nói chú là năng lực của Diệu Âm; tám nạn thí vô úy là năng lực Quán Thế Âm; trừ ba độc phá xan tham là Phạm Âm; tất cả hy cầu cảm ứng không lỡ thời là năng lực Hải Triều Âm.

Quốc độ này nhĩ căn thông lợi, phân biệt được ý nghĩa thâm sâu vi tế của các pháp thế xuất thế gian. Cho nên Phật lập thanh danh văn cú, tạo nên bao nhiêu kinh luận để đối các căn cơ. Song chỗ tuyên minh kinh nào cũng chỉ hiển tánh diệu minh viên trạm. Diệu tánh này ở ngay bản căn năng văn. Chúng sanh chỉ cần do thanh luân sở-văn mà phản nghe bản căn năng-văn liền được ngay ý chỉ. Cõi Ta Bà nhĩ căn đã thông lợi mà thanh luân của Như Lai lại sáng tỏ. Phàm ai đã được nghe thanh giáo đều miễn lưu chuyển. Nay có người được nghe mà không giải thoát, chính vì chỉ chạy theo thanh giáo sở-văn để lợi đường hí luận mà chẳng chịu quay về bản căn năng-văn. Nhớ giỏi đến như Anan cũng không miễn bị tà cảnh lôi cuốn. Đã biết theo thanh trần là thuận dòng lưu chuyển thì chỉ cần xoay lại, ngược dòng phản văn đến chỗ không hư vọng là xong.

Trước nói lỗi lầm rất lớn của người không phản văn. Anan vô số đời chỉ vụ đa văn, chẳng tu vô lậu thắng nghĩa. Cho nên dục lậu sâu nặng, các lậu khác cũng chưa tận. Đến nỗi học nhiều đã chẳng tiến mà còn đọa lạc. Văn Thù dặn dò Anan nghe kỹ, lại nương oai thần Phật mà nói, để thấy pháp này bạc phước vô duyên chẳng dễ gặp, cần phải trịnh trọng.

Pháp môn này đối với cõi Ta Bà như thuốc chữa bệnh. Hết thầy sơ tâm không ai chẳng thể không dùng. Pháp môn này giản dị, thiết yếu, dễ tu, nhanh chóng. Kinh nói gãy móng tay đã siêu bậc A-la-hán.

Bởi vì tự tánh chánh định nên giản dị. Chúng sanh nhọc mệt ngoại cầu. Dem bốn vắn đi học giáo lý, không quay trở về nhận diệu tánh của mình, như đem bát vàng đi khất thực, không biết bát tự giá trị hơn thức ăn nhiều. Phật giáo vốn muốn người nhận tự tánh. Nay quên tự tánh chạy theo giáo lý, thật chẳng biết ý của giáo lý vậy. Xét đó chỉ nghe một vắn tánh liền hơn vô lượng đa văn. Rõ ràng thiết yếu mà dễ tu.

Kinh dạy:

a) Nhân thân thanh mà kết thành căn thì nay phải thoát thanh để giải. Như nước nhân lạnh thành băng thì nay muốn trở về nước hẳn cần thoát lạnh.

b) Một căn trở về nguồn, sáu căn đồng giải thoát.

c) Sáu trần toàn nương sáu căn mà có. Nay tình căn đã phục thì đồng thời dĩ nhiên siêu vượt thế giới. Không hoa chỉ là bóng ảnh của mắt lóa. Không hoa và mắt lóa có thì cùng có, không thì cùng không. Căn thân giải thì khí thế giới cùng tiêu.

Ba điểm này chứng tỏ pháp phản văn vừa dễ tu vừa nhanh chóng.

Căn trần tiêu, viên minh tịnh diệu liền hiển lộ. Tánh nghe vốn là viên tràm bất sanh diệt tánh, là cái nhân chân thật để chứng Bồ-đề Niết-bàn. Đức Văn Thù đã nhấn mạnh: Ba đời mười phương chư Phật đều do một con đường này vào quả vị. Chính ngài cũng do đây tu chứng. Vậy ta là người nào mà không cần tu pháp môn này?

Bởi vì Anan là bậc đa văn đệ nhất nên nhĩ căn viên thông độc đương với căn cơ của ông. Vì ai cũng vốn đủ vắn tánh nên pháp môn này có thể phổ cứu khắp đời mạt kiếp. Hai điều này là kế cơ.

Trước được nhân-không sau thoát pháp chấp cho nên đáp ứng những tâm cầu xuất thế. Sanh diệt đã diệt tịch diệt hiện tiền, rõ ràng đường lối Niết-bàn. Hai điều này là kế lý.

Cơ lý song kế, Thánh chỉ hoàn toàn trải rõ dưới mắt chúng sanh. Đây là tha thiết khuyên tin. Pháp

môn thì thâm sâu, căn cơ mạt kiếp lại nông cạn. Muốn tin và hiểu cần cầu tha lực. Văn Thù đánh lễ Như Lai Tạng nguyện gia bị vị lai đối với pháp môn này không nghi hoặc. Hiển pháp môn này tối quan trọng, độ khắp căn cơ, ai cũng có thể tu, cạn sâu đều có thể vào. Đây cực lực khuyên chuyên tu nhĩ môn.

(26) Tâm đã khai ngộ tựa như có dấu vết sắp chứng viên minh.

(27) Thánh nhân thi thiết, lý sự song nêu. Sự y lý thành. Không phải lập đàn tràng trang nghiêm cho đẹp mắt. Người tu ngày đêm sáu thời ở trong đàn, mắt đưa tới đâu, thấy sự nhớ lý. Ất biết Phật, tâm, chúng sanh, ba không sai khác.

Tuyết Sơn tiêu biểu chân như.

Bò trắng tiêu biểu căn bản trí.

Nước trong, mù sương tiêu biểu trung đạo diệu định.

Cỏ thơm hoa lá tiêu biểu trung đạo diệu tuệ.

Phân bò + chiêm đàn trát đất: ba vô lậu học huân Pháp-thân thành nhân địa chân thật.

Nếu không bò: là bậc trung căn.

Đào năm thước đất: buông xả ngoại vụ chuyên

phản văn phá năm ám.

Hòa mười thứ hương: 10 ba-la-mật.

Nghiên thành bột: 10 ba-la-mật rộng thành vạn hạnh.

Đàn tám góc: 8 chánh đạo.

Gương tròn nêu biểu trí dụng.

Đàn tràng nêu biểu lý thể.

Mỗi gương phản chiếu một góc vuông của đàn. Mười sáu gương tròn phản chiếu lẫn nhau. Các hình ảnh tròn và vuông, vuông và tròn xen nhau nêu biểu thể dụng không hai, sự lý vô ngại.

Mười thứ hương:

- 1- Chiên-đàn trắng nêu biểu tánh vô sanh diệt.
- 2- Trầm: bột lõi rất nặng thả xuống nước liền chìm.
- 3- Tế hợp: hòa nấu thành cao.
- 4- Hắc lăng: để chống đau nhức.
- 5- Uất kim: để an thần.
- 6- Bạch mậ: trừ khí độc, khỏi mụn nhọt.
- 7- Thanh thủy: như cam thảo khiến ngủ ngon.

8- Linh lục: khiến sáng mắt.

9- Cam tùng: trừ bụng chướng hay hạ khí.

10- Kê thiệt: uống lâu thì thân miệng lúc nào cũng tỏa hương thơm.

Đốt trầm không bật lửa: vô tướng diệu giới.

Bánh: thiên duyệt pháp hỷ.

Cúng Phật: hướng về quả đức.

Tần Na: sứ giả đầu heo.

Dạ Ca: sứ giả mũi voi.

(28) Khi an cư bảy ngày chuyên phát nguyện Bồ-tát: mười đại nguyện vương trong kinh Phạm Võng hay bài phát nguyện trong kinh Vạn Phật hoặc bốn hoàng thệ.

(29) Tổ Giao Quang dạy: sử dụng vô tận của chư Phật, trí lực chúng sanh khó hiểu tới.

Tu hành xong, phải giải giới, triệt đàn.
Không được lưu đến minh tướng xuất hiện.

MỤC LỤC

	Trang
B - TU ĐẠO --- TAMMA.	3
MỤC 1: HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH.	3
a) Nhân quả tương ứng.	5
b) Thẩm tưởng căn bản phiền não.	8
MỤC 2: PHƯƠNG PHÁP GIẢI KẾT.	24
MỤC 3:	
a) Trình bày viên thông.	34
b) Quán Âm quang trôn.	59
MỤC 4: VĂN THÙ ĐÍCH CHỈ PHÁP VIÊN TU	73
MỤC 5: YẾU PHÁP HỘ ĐỊNH.	92
a) Giới luật nghiêm trì.	92
b) Thân chú trừ tập khí.	102
CHÚ THÍCH	148

CÁC SÁCH THAM KHẢO

- *Bản chữ nho của Sư cụ Tuệ Nhuận.*
- *Bản dịch của cư sĩ Tâm Minh.*
- *Lăng Nghiêm Chính Mạch của Tổ Giao Quang.*
- *Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Giải Nghĩa của Pháp-sư Viên Anh.*
- *Kinh Thủ Lăng Nghiêm Giải Nghĩa của hai ngài Hòa-thượng Bích Liên và Liên Tôn. Nhà in Thanh Mậu xuất bản năm 1954.*

